

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH.....	5
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ cơ sở.....	6
2. Tên cơ sở	6
3. Công suất, công nghệ, thành phẩm sản xuất của cơ sở	8
3.1. Công suất của cơ sở.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	9
3.3. Thành phẩm của cơ sở	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	14
4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng trong sản xuất.....	14
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước	14
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	19
5.1. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của cơ sở	19
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị.....	20
5.3. Vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	21
5.4. Nhu cầu về nhân sự và tổ chức quản lý Cơ sở.....	21
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	23
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	23
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	25
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	26
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	26
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	27
1.3. Xử lý nước thải	30
2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý khí thải	33
2.1 Đối với bụi, khí thải từ quá trình sản xuất.....	33
2.2. Đối với bụi, khí thải từ lò hơi.....	34
2.3. Đối với mùi hôi tại khu vực thu gom rác và các hố ga.....	38

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	38
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	42
5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	43
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	45
6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	45
7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác	52
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	53
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	53
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	53
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	54
4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:	55
5. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:.....	56
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	58
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	58
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải.....	58
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	59
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	62
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	65
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	66
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	66
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	66
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	66
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	67
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	67
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục	67
2.3. Giám sát chất thải rắn và CTNH.....	67
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	69
PHỤ LỤC BÁO CÁO	71

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCT	: Bộ Công Thương
BHLĐ	: Bảo hộ lao động
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNM	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
BYT	: Bộ Y tế
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
ĐTM	: Báo cáo đánh giá tác động môi trường
KK	: Không khí
NĐ	: Nghị định
NT	: Nước thải
GPMT	: Giấy phép môi trường
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	: Quyết định
QH	: Quốc hội
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí cơ sở	6
Bảng 1.2: Danh mục nguyên liệu sử dụng cho quá trình sản xuất	14
Bảng 1.3: Nhu cầu nhiên liệu sản xuất	15
Bảng 1.4: Tính chất hóa lý của nhiên liệu sử dụng tại Công ty	15
Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	16
Bảng 1.6: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Công ty	18
Bảng 1.7: Bảng cân bằng nước của Cơ sở.....	19
Bảng 1.8: Các hạng mục công trình xây dựng của Công ty	19
Bảng 1.9: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất	20
Bảng 1.10: Nhu cầu sử dụng lao động	22
Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước mưa	27
Bảng 3.2: Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở.....	28
Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của bể tự hoại	32
Bảng 3.4: Thông số kỹ thuật của bể chứa nước thải sản xuất	32
Bảng 3.5. Hệ số ô nhiễm của lò hơi đốt củi và tải lượng ô nhiễm trong khí thải.....	34
Bảng 3.6 Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải lò hơi đốt củi.....	35
Bảng 3.7. Thông số các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi	37
Bảng 3.8: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành.....	39
Bảng 3.9: Chung loại và số lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên	40
Bảng 3.10: Khối lượng, chủng loại Chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở	42
Bảng 5.1: Kết quả phân tích môi trường không khí năm 2024	60
Bảng 5.2: Kết quả phân tích khí thải năm 2024	61
Bảng 5.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của Cơ sở	63
Bảng 5.4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường của Cơ sở	63
Bảng 5.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở	64
Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở	66
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	66
Bảng 6.3: Chi phí đo đạc, phân tích chất lượng không khí cho 1 lần thực hiện	68

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Vị trí cơ sở trong trên Google Map	7
Hình 1.2: Quy trình sản xuất chế biến hạt điều	10
Hình 1.3: Một số hình ảnh của quá trình chế biến hạt điều.....	13
Hình 1.4: Hình ảnh thành phẩm của cơ sở	14
Hình 1.5: Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty.....	22
Hình 3.1: Sơ đồ quy trình xử lý nước mưa chảy tràn.....	26
Hình 3.2: Ống thu gom nước mưa và cống thoát nước mưa	27
Hình 3.3: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở	29
Hình 3.4: Sơ đồ bể tự hoại 03 ngăn của cơ sở.....	31
Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống thu gom khí thải lò hơi tại Cơ sở.....	36
Hình 3.6: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	38
Hình 3.7: Kho lưu chứa vỏ lụa của cơ sở	41
Hình 3.8: Kho lưu chứa vỏ hạt điều của cơ sở	41
Hình 3.9: Hình ảnh kho CTNH của Cơ sở	43

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV THÀNH SỰ

- Địa chỉ văn phòng: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở:

- + **ÔNG ĐẶNG HỮU SỰ** - Chức vụ: Giám đốc

- + Loại giấy tờ pháp lý cá nhân : Căn cước công dân

- + Số giấy tờ pháp lý cá nhân : 045067000693

- + Ngày cấp: 16/4/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý trật tự xã hội

- + Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- + Địa chỉ liên hệ: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại: 0919068719

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801066488 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày đăng ký lần đầu ngày 27/12/2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 9/9/2022.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở:

“CƠ SỞ CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU CÔNG SUẤT 2.000 TẤN THÀNH PHẨM/NĂM”

- Địa điểm cơ sở: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Tổng diện tích thực hiện cơ sở là: 11.757,6 m².

- Vị trí tiếp giáp và ranh giới khu đất:

- + Phía Đông: Giáp với phần đất của dân

- + Phía Tây: Giáp với phần đất của dân;

- + Phía Nam: Giáp đường DT 312.

- + Phía Bắc: giáp phần đất của dân.

- Các điểm tọa độ giới hạn khu đất xây dựng của Công ty được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí cơ sở

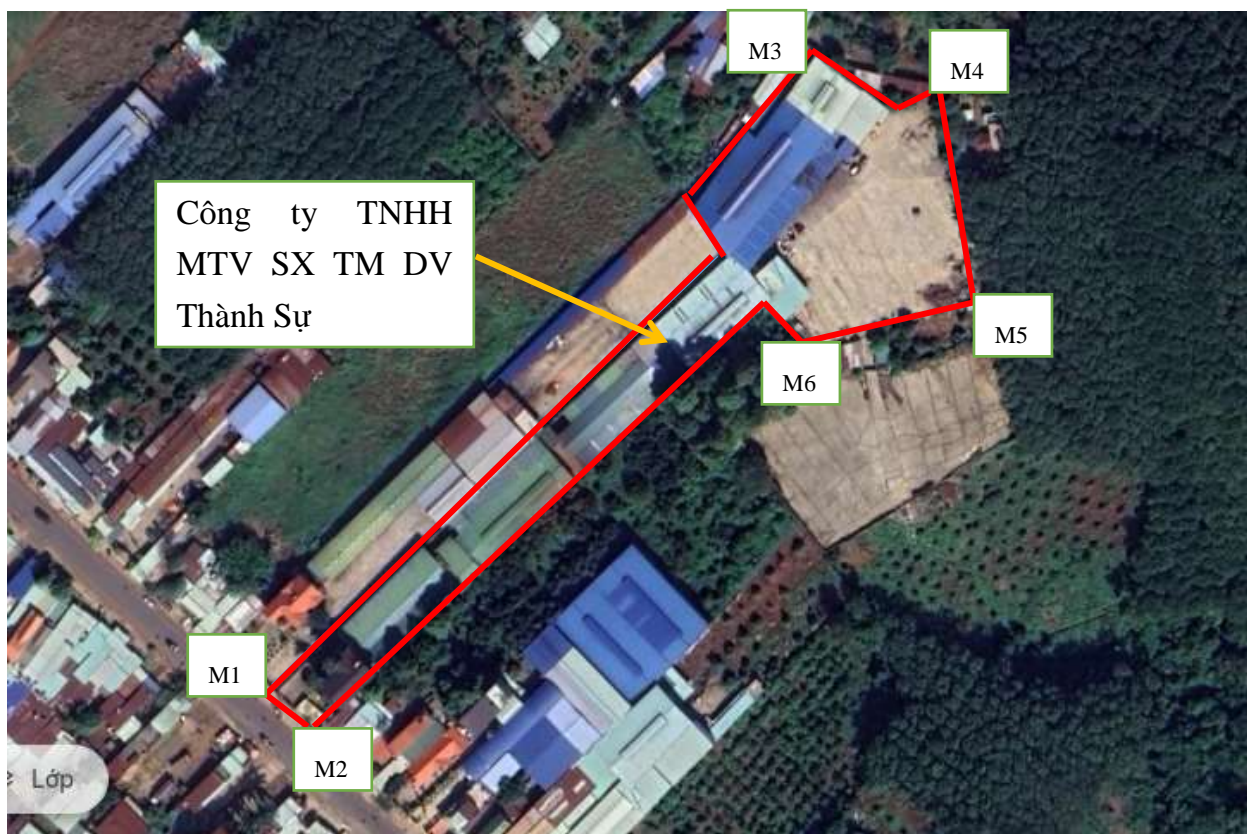
Điểm	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107° 45', múi chiếu 3°	
	X	Y
M1	1270150	538586
M2	1269989	538557

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

Điểm	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107° 45, múi chiếu 3°	
	X	Y
M3	1270158	538419
M4	1270096	538415
M5	1270096	538487
M6	1269999	538497

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

Vị trí Cơ sở được thể hiện trong tại bên dưới.



Hình 1.1: Vị trí cơ sở trong trên Google Map

❖ **Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở**

Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt sơ sở:

– Cơ quan cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của cơ sở: Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long.

+ Thông báo số 04/TB-UBND ngày 25/01/2014 của UBND thị xã Phước Long về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường Cơ sở “Xưởng chế biến hạt điều – Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự” tại Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

❖ Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Cơ sở tọa lạc tại Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo Cam kết bảo vệ môi trường cơ sở “Xưởng chế biến hạt điều” do Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự làm chủ đầu tư Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo thông báo số 04/TB-UBND.

Cơ sở thuộc Mục IV phần A (mục 4 phần a: Cơ sở chế biến nông sản khác) Phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công, **20.000.000.000** đồng (**Bằng chữ**: Hai mươi hai tỷ đồng), cơ sở thuộc nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công tại Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc Hội.

Do đó, Căn cứ vào quy định tại Điều 39 và điểm c, khoản 3, điều 41, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long.

Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chủ đầu tư đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lập báo cáo và trình nộp tại Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long phê duyệt theo đúng quy định.

❖ Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Cơ sở thuộc dự án nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công tại Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc Hội, không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải và chất thải nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định về chất thải. Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

❖ Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở chế biến nông sản

❖ Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm III (căn cứ theo mục II, phụ lục III, Nghị định 05/2025/NĐ-CP)

3. Công suất, công nghệ, thành phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Cơ sở thuộc loại sản xuất, kinh doanh với công nghệ hiện đại và quy trình khép kín, công suất của cơ sở là 2.000 tấn thành phẩm/năm.

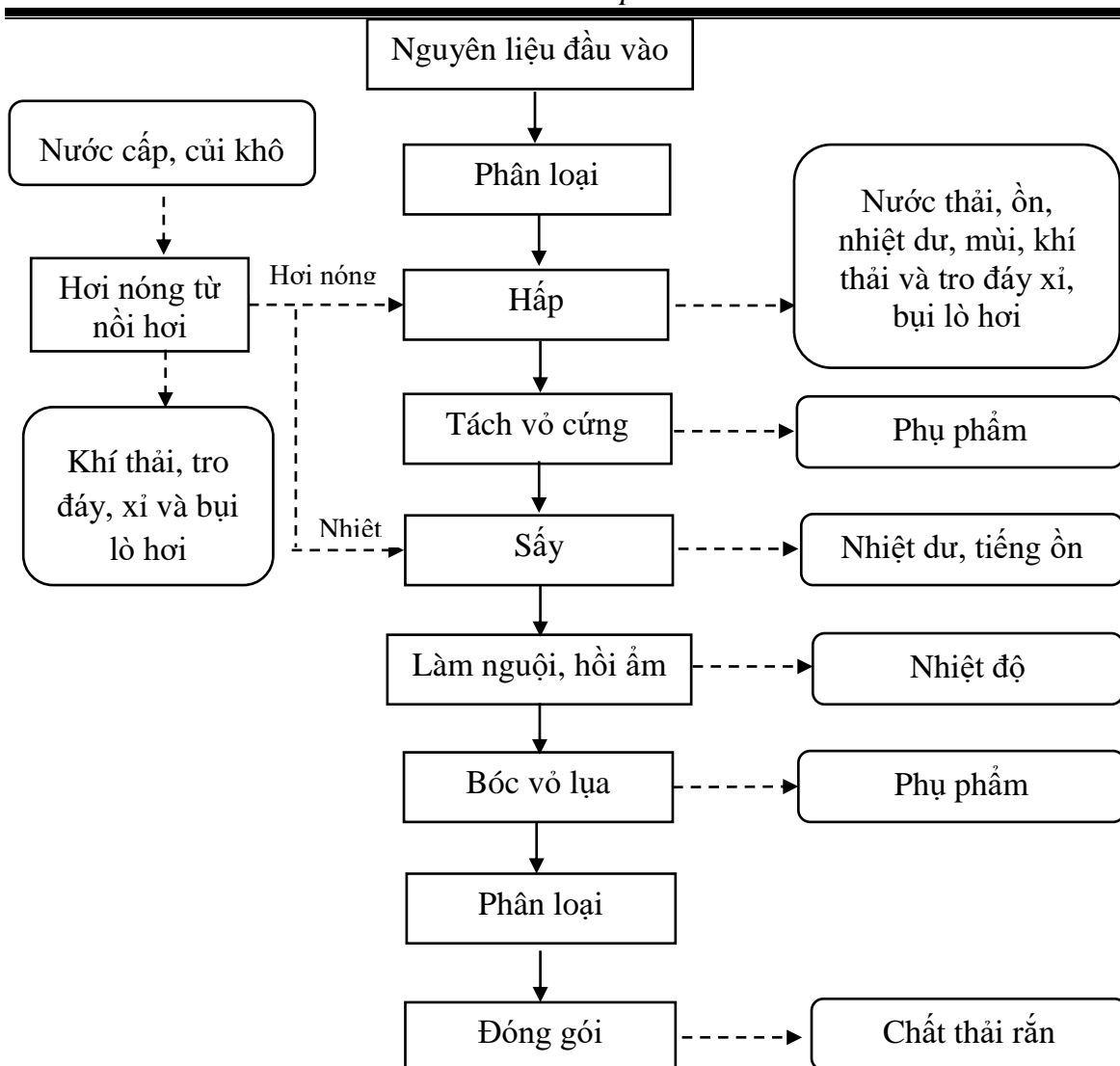
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến hiện nay tại Việt Nam. Quy trình sản xuất được tự động hóa cao ở công đoạn chính: phân loại, tách vỏ cứng, bóc vỏ lụa,... Tại các công đoạn này, máy móc vận hành tự động bằng các chương trình điều khiển phần mềm, áp dụng bộ biến tần giúp tiết kiệm điện năng.

Đối với công đoạn khác, các máy móc cũng được lựa chọn loại tốt, độ an toàn cao.

Dây chuyền vận hành đồng bộ đảm bảo công suất, chất lượng thành phẩm, thân thiện môi trường và an toàn trong vận hành. Các máy móc thiết bị của dây chuyền được cung cấp bởi hãng sản xuất uy tín trong ngành chế biến hạt điều.

- Quy trình hoạt động hoàn toàn tự động, công nghệ hiện đại hiện nay. Do đó quy trình này sử dụng rất ít nhân công, rút ngắn thời gian sản xuất.
- Máy móc thiết bị cho quy trình này được đầu tư mới từ các hãng sản xuất uy tín.
- Các máy móc đều được kiểm định chất lượng từ các hãng sản xuất uy tín trong và ngoài nước, có độ ồn thấp, thân thiện với môi trường.
- Thiết bị tiết kiệm điện, hạn chế tối đa lượng thành phẩm lỗi. Quy trình công nghệ sản xuất chế biến hạt điều được trình bày ở hình sau:



Hình 1.2: Quy trình sản xuất chế biến hạt điều

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nguyên liệu

Hạt điều được thu mua từ các nguồn cung cấp trong tỉnh Bình Phước và từ các nước Châu Phi.

Công đoạn phân loại

Hạt điều thô sau khi thu mua tập trung về kho chứa nguyên liệu. Trước khi chế biến hạt điều thô được đưa vào máy sàng để phân loại, cỡ hạt với mục đích loại bỏ các hạt lép không đủ kích cỡ, loại bỏ đất cát...

Công đoạn làm ẩm

Hạt điều thô sau khi thu mua từ các nguồn cung cấp về được tập trung tại kho. Trước khi qua khâu xử lý nhiệt cần thực hiện ẩm hóa để nâng độ ẩm để đưa lượng nước vào bên trong hạt điều.

Công đoạn hấp

Hạt điều sẽ được vận chuyển lên cao đồ vào bồn chứa nguyên liệu, sau đó mở

bồn hấp cho nguyên liệu vào, mở mớ tơ cho bồn quay liên tục, mở hơi nước quá nhiệt cấp từ nồi hơi vào bồn hấp. Nồi hấp có nhiệt độ cao 170⁰C (áp suất >8 kg/cm²) làm cho vỏ hạt điều phồng lên tạo ra một khoảng hở giữa vỏ và nhân để công đoạn cắt bóc bỏ lấy nhân ra dễ dàng. Thời gian hấp tùy thuộc vào độ ẩm và kích cỡ của hạt, thường kéo dài từ 30-45 phút. Sau hấp từ 5-10 phút sẽ tháo hạt đã hấp ra. Nước thải phát sinh từ hơi nước ngưng tụ trong quá trình hấp và cặn lắng từ bồn hấp được thu gom bể chống thấm và thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý khi đầy.

Công đoạn tách vỏ cứng

Hệ thống máy cắt tách hạt điều tự động đều dùng nhiên liệu là khí nén để vận hành. Hành trình cắt được lập trình cụ thể và hoàn toàn tự động. Hạt điều được đổ vào phễu mỗi máy, hạt tự động rơi xuống sàn có đục lỗ, từng hạt tự rơi xuống 4 rãnh của máy cùng một lúc, sau đó được đẩy đến vị trí dao cắt. Cùng lúc dao cắt hoạt động, hạt lập tức được cắt bẻ đôi, rơi xuống băng tải. Hành trình cắt mỗi lần chỉ trong vòng 3 giây. Tất cả các máy hoạt động cùng một lúc. Hạt cắt xong cùng vỏ, nhân, tất cả đưa đến băng tải dẫn đến một hệ thống máy lựa, tác nhân đổ riêng cùng một cửa, vỏ ra cửa khác, nhân vỡ ra một cửa khác nữa. Cơ sở sử dụng máy cắt tách tự động để cắt 100% nguyên liệu. Phụ phẩm vỏ cứng hạt điều sau khi tách sẽ được đưa vào kho chứa vỏ để bán cho các cơ sở ép dầu điều.

Công đoạn sấy

Nhân hạt điều được cho vào các mâm sấy được xếp trên xe đẩy vào phòng sấy, mở hơi nước quá nhiệt cấp vào dàn trao đổi nhiệt được lắp trong phòng sấy, nhiệt độ sấy có thể điều chỉnh theo yêu cầu bằng cách tăng giảm áp suất hơi quá nhiệt cấp vào. Ngừng sấy khi nhân đạt độ ẩm yêu cầu 2,5-3,5%. Hơi nước quá nhiệt sau khi qua bồn hấp, dàn trao đổi nhiệt thoát ra bên ngoài môi trường.

Công đoạn làm nguội, hồi ẩm

Nhân điều sau khi sấy được làm nguội về nhiệt độ và độ ẩm thích hợp trước khi chuyển qua công đoạn bóc vỏ lựa.

Công đoạn bóc vỏ lựa

Nhân còn vỏ lựa đã làm nguội và hồi ẩm đạt yêu cầu kỹ thuật được lột vỏ lựa để lấy nhân bằng máy bóc vỏ lựa sau đó được công nhân sử dụng các dao nhỏ cạo loại bỏ vỏ lựa bên ngoài còn sót lại sau khi qua máy bóc vỏ lựa. Lột vỏ lựa đảm bảo không còn sót vỏ lựa trên nhân, không được làm bẻ vỡ và cạo gọt nhân (quá mức quy định cho phép). Công đoạn bóc vỏ lựa này cơ sở sử dụng 50% công suất bằng máy bóc tự động và 50% sử dụng thủ công. Phụ phẩm vỏ lựa sẽ được thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu làm thức ăn chăn nuôi.

Công đoạn phân loại nhân

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

Nhân điều sau khi bóc vỏ lụa sẽ được phân loại để chia thành các thành phẩm khác nhau tùy thuộc vào nhu cầu của khách hàng.

Công đoạn đóng gói

Nhân điều sau khi được phân cấp thành phẩm được khử trùng bằng tia cực tím sau đó một phần được đóng gói chân không vào thùng để đảm bảo chất lượng và phần được sử dụng để chế biến bánh kẹo nhân hạt điều.

Lưu kho, xuất xưởng

Thành phẩm hạt điều thành phẩm được lưu kho, chờ xuất xưởng.

Một số hình ảnh của quá trình chế biến hạt điều



Máy phân loại



Lò sấy



Máy bắn màu

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”



Máy chế điều



Lò hơi



Máy phân loại



Kho thành phẩm

Hình 1.3: Một số hình ảnh của quá trình chế biến hạt điều

3.3. Thành phẩm của cơ sở

Cơ sở chế biến hạt điều công suất: 2.000 tấn thành phẩm/năm

Một số hình ảnh thành phẩm của cơ sở được thể hiện bên dưới:



Hạt điều nhân



Đóng gói xuất hàng

Hình 1.4: Hình ảnh thành phẩm của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng trong sản xuất

Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất trong năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.2: Danh mục nguyên liệu sử dụng cho quá trình sản xuất

STT	Tên nguyên liệu	Khối lượng sử dụng (tấn/năm)	Nguồn gốc
1	Hạt điều thô	10.000	Việt Nam, Châu Phi

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước

❖ Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của cơ sở

Các trang thiết bị phục vụ sản xuất như máy chế điều, máy sàng ,... đều được vận hành bằng điện. Riêng các xe tải, xe ô tô, xe nâng của cơ sở sử dụng dầu DO. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1.3: Nhu cầu nhiên liệu sản xuất

STT	Tên nguyên, nhiên liệu, hóa chất	Số lượng sử dụng		Công đoạn sử dụng	Xuất xứ
		Định lượng	Khối lượng sử dụng		
1	Củi gỗ	Tấn/năm	62,4	Nguyên liệu đốt cung cấp nhiệt cho lò hơi	Việt Nam
2	Dầu Diesel (DO)	Lít/năm	12.480	Phục vụ nhu cầu phương tiện vận chuyển trong sản xuất của công ty	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

Bảng 1.4: Tính chất hóa lý của nhiên liệu sử dụng tại Công ty

STT	Tên nguyên liệu	Tính chất hóa lý	Cảnh báo nguy hiểm và con đường tiếp xúc với con người
1	Dầu DO (0,25%S)	Thành phần: Hỗn hợp hydrocarbon (C ₁₀ -C ₁₅) Trạng thái tồn tại: Dạng lỏng Tỷ trọng: 0,85 kg/lít	<p>Các nguy hiểm về cháy nổ: Có thể bốc cháy và kích cháy nổ bởi nhiệt, tia sáng, lửa, hoặc các nguồn kích nổ khác. Điện tích tĩnh điện có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển.</p> <p>Các nguy hiểm về sức khỏe: Nhiễm độc đau nhức da nghiêm trọng. Nguy hiểm nếu nuốt vào có thể xâm nhập vào phổi và gây hủy hoại phổi. Tiếp xúc quá lâu có thể gây khó chịu cho mũi, họng, hệ tiêu hóa, có thể gây đau đầu và chóng mặt, gây mê và có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Ung thư: có khả năng gây ung thư da</p> <p>Nguy hiểm đối với môi trường: - Độc hại cho hệ sinh thái dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài cho môi trường nước.</p> <p>Các đường tiếp xúc:</p>

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

STT	Tên nguyên liệu	Tính chất hóa lý	Cảnh báo nguy hiểm và con đường tiếp xúc với con người
			<ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt: có thể gây kích thích và các tổn thương cho mắt. - Đường thở: Gây kích thích và ức chế hệ thần kinh. Hơi dầu Diesel gây kích thích hệ hô hấp. Đường da: tiếp xúc thường xuyên và liên tục có thể gây kích thích và dị ứng da. - Đường tiêu hóa: Gây độc nhẹ qua đường tiêu hóa. Có thể tràn vào phổi gây nôn mửa, viêm phổi.

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

❖ **Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở**

Nguồn cung cấp điện: Công ty Điện lực Bình Phước - Điện lực Phước Long. Nguồn điện sử dụng tại cơ sở được cung cấp bởi nguồn điện lực quốc gia thông qua trạm biến thế trung gian 100/22KV đặt trong Cơ sở. Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đã hoàn thiện công trình thiết bị điện, cơ sở không xây dựng bổ sung thêm trong quá trình sản xuất.

Nhu cầu sử dụng điện: Lượng điện năng tiêu thụ phục vụ cho các mục đích: sinh hoạt của CB-CNV và hoạt động sản xuất. Điện cấp cho cơ sở sử dụng cho các mục đích hoạt động sản xuất, thiết bị văn phòng. Cơ sở hoạt động công suất tiêu thụ khoảng trung bình 111.312 KWh/tháng. Nhu cầu sử dụng điện thực tế của cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.5: Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu sử dụng (kWh/tháng)
1	Tháng 6/2024	137.596
2	Tháng 7/2024	141.591
3	Tháng 8/2024	66.928
4	Tháng 9/2024	135.474
5	Tháng 10/2024	75.609
Trung bình		111.321

(Nguồn: Theo hóa đơn điện tại Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

❖ **Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở**

Nguồn cung cấp nước của cơ sở: Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự hiện đang sử dụng nguồn nước máy do Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước cung cấp để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

Nhu cầu sử dụng nước như sau:

(1). **Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt:** Theo Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN 33:2006/BXD, lượng nước sử dụng là 45 lít/người/ngày. Với số lượng công nhân viên của cơ sở tối đa khoảng 30 người, làm việc 2 ca/ngày. Công ty ưu tiên sử dụng người dụng người dân địa phương, chỉ làm việc theo ca hết ca sẽ làm việc sẽ về nhà và không diễn ra hoạt động lưu trú tại Công ty.

$$Q_{\text{sinh hoạt}} = 45 \text{ lít/người/ngày} \times 30 \text{ người} = 1.350 \text{ lít/ngày} = \mathbf{1,35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}}$$

Công ty không tổ chức nấu ăn cho công nhân viên tại Cơ sở, vì vậy lượng nước cấp phục vụ cho nấu ăn là không có.

(2) **Nước cấp cho sản xuất:**

+ Trong quá trình sản xuất, cơ sở sử dụng nước cho lò hấp hạt điều dùng cho 01 nồi hấp điều. Với công suất hoạt động của lò hơi là 2,5 tấn/h, lượng nước cấp cho lò hơi tương ứng với công suất của lò hơi. Lò hơi hoạt động 8 giờ/ngày. Chọn hệ số cấp nước an toàn là $K=1,2$. Như vậy, lượng nước sử dụng cho lò hơi khi hoạt động 100% công suất là $\mathbf{14,4 \text{ m}^3/\text{ngày}}$.

+ **Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi:** Cơ sở sử dụng củi để đốt cho lò hơi công suất 2,5tấn/h. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt củi sử dụng nước để giảm thiểu bụi trong khí thải đầu ra. Lượng nước cấp cho HTXL khí thải lò hơi là $\mathbf{1 \text{ m}^3/\text{ngày}}$.

+ Nước cấp cho công đoạn làm ẩm: khoảng $\mathbf{2 \text{ m}^3/\text{ngày}}$.

(3) **Nước cấp cho hoạt động tưới cây:** Theo thực tế tại cơ sở, nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động tưới cây khoảng $\mathbf{3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}}$

(4). **Nước cấp cho hoạt động rửa đường, làm mát:** Theo thực tế tại cơ sở, nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động rửa đường, làm mát khoảng $\mathbf{2\text{m}^3/\text{ngày.đêm}}$

Lượng nước sử dụng cho PCCC của Cơ sở sử dụng chung bể nước PCCC dự trữ của Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, thể tích $\mathbf{600 \text{ m}^3}$ đảm bảo quá trình PCCC cho cơ sở. Bố trí 6 trụ nước chữa cháy ngầm dọc đường nội bộ để lấy nước phục vụ PCCC, trước mỗi công ty được bố trí 1 trụ nước chữa cháy để phòng ngừa khi có sự cố xảy ra.

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 1.6: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Công ty

STT	Mục đích sử dụng	Định mức sử dụng	Thông số sử dụng tính toán	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày.đêm)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày.đêm)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	45 lít/người/ngày	30 công nhân	1,35	1,35
2	Nước cấp cho lò hơi	2,5 tấn/giờ	1,2	14,4	0,03
3	Nước cấp cho HTXLKT lò hơi			1	0,033
4	Nước làm ẩm	-	-	2	-
5	Nước cấp cho tưới cây	Theo thực tế sử dụng tại cơ sở		3	--
6	Nước cấp cho rửa đường	Theo thực tế sử dụng tại cơ sở		2	--
Tổng		--		23,75	1,413

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

Ước tính nước thải được tính toán dựa trên tỷ lệ nước thải nước cấp như sau:

- **Nước thải sinh hoạt:** được ước tính 100% lượng nước cấp.
- **Nước cấp bổ sung cho hệ thống xử lý khí thải (cụ thể từ bể hấp thụ của HTXL khí thải):** Quá trình hoạt động của lò hơi đốt củi làm phát sinh khí thải. Khí thải từ lò hơi đốt củi được dẫn qua HTXL khí thải để xử lý có sử dụng nước để hấp thụ các chất ô nhiễm trong khí thải. Lượng nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được hệ thống bơm tuần hoàn, sử dụng lại liên tục nên lượng nước thải sản xuất phát sinh rất ít, trung bình 1 tháng mới xả bỏ 01 lần. Tổng lượng nước thải sản xuất khoảng 1 m³/tháng, tương đương **0,033 m³/ngày**.

+ Nước thải sản xuất:

+ **Nước xả đáy lò hơi:** Công ty sử dụng lò hơi đốt củi để cấp nhiệt cho quá trình sấy. Công suất lò hơi đốt củi sử dụng là 2,5 tấn/giờ. Ước tính lưu lượng xả đáy lò hơi sử dụng khoảng 0,01 m³/ngày. Công ty sử dụng nước sạch để cấp nước cho lò hơi. Do đó, nước trong lò hơi chứa rất ít cặn. Tuy nhiên, Công ty vẫn thường xuyên kiểm tra chất lượng nước trong lò hơi bằng cách tiến hành xả nước đáy lò hơi hằng ngày. Lưu lượng xả đáy lò hơi theo thực tế khoảng **0,01 m³/ngày**. Lượng nước xả đáy lò hơi phụ thuộc vào TDS và độ cứng của nước cấp sử dụng cho lò hơi. Thành phần nước xả đáy lò hơi có TSS cao. Ngoài ra, hơi nước cung cấp cho nồi hấp trong công đoạn hấp điều sẽ bị ngưng tụ một phần tạo thành nước thải, lượng nước thải này có hàm lượng TDS

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

khá cao, phát sinh khoảng **0,02 m³/ngày**.

+ Cơ sở không sử dụng nước cho quá trình vệ sinh thiết bị máy móc tại nhà xưởng. Công ty chỉ thực hiện vệ sinh máy móc khô bằng giẻ lau, quét dọn và hút bụi khi cần thiết. Xe vận chuyển hạt điều nguyên liệu, thành phẩm cho cơ sở sẽ được vệ sinh, thay nhớt tại gara xe bên ngoài khu vực cơ sở, cơ sở không bố trí cầu rửa xe, thay nhớt. Vì vậy, Cơ sở không phát sinh nước thải từ khâu vệ sinh công nghiệp của Cơ sở.

Nước cấp cho công đoạn làm ẩm hạt điều được thấm thấu vào hạt điều thô nên không phát sinh nước thải.

Bảng 1.7: Bảng cân bằng nước của Cơ sở

Đầu vào (m ³ /ngày)		Đầu ra (m ³ /ngày)	
Nước cấp cho sinh hoạt	1,35	Nước thải sinh hoạt	1,35
Nước cấp cho lò hơi	14,4	Nước xả đáy lò hơi	0,01
		Nước thải hấp hạt điều	0,02
Nước cấp cho HTXLKT (cụ thể từ tháp hấp thụ của HTXL khí thải)	1	Nước thải từ HTXLKT thu gom vào bể lắng cặn	0,033
Nước làm ẩm	2	Nước thải làm ẩm	Không có
Nước cấp cho tưới cây	3	Nước cấp cho tưới cây	0
Nước cấp cho rửa đường	2	Nước cấp cho rửa đường	0
Tổng cộng	23,75	Tổng cộng	1,413

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đã xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục công trình với tổng diện tích xây dựng **11.757,6 m²**. Cụ thể như sau:

Các hạng mục công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh của nhà máy được thể hiện như sau:

Bảng 1.8: Các hạng mục công trình xây dựng của Công ty

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích xin cấp GPMT (m ²)	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH				
1	Nhà xưởng sản xuất	01	2.320	19,73	Đã xây dựng
2	Kho chứa nguyên liệu	01	1.600	13,61	
3	Sân phơi điều	01	4.000	34,02	
4	Văn phòng	01	200	1,70	
II	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ				
4	Nhà bảo vệ	01	10,5	0,09	Đã xây

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích xin cấp GPMT (m ²)	Tỷ lệ %	Ghi chú
5	Nhà che bơm	01	30	0,26	dựng
6	Bể nước	01	150	1,28	
III	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BVMT				
7	Nhà vệ sinh	03	15	0,13	Đã xây dựng
8	Kho chứa chất thải rắn thông thường	01	50	0,43	
9	Kho chứa chất thải nguy hại	01	33,08	0,28	
10	Kho chứa vỏ điều	01	16	0,14	
11	Cây xanh	-	2.062	17,54	
12	Diện tích sân đường	-	500	4,25	
13	Đất trống		771,02	6,56	
Tổng			11.757,6	100	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

+ Nhà xưởng có tổng diện tích 2.320 m², hướng Bắc được xây dựng bằng gạch cao tới mái, còn hướng Đông Nam Tây được xây dựng bằng gạch cao 3m, bên trên lợp tôn, kết cấu khung thép. Phần tường gạch được bả mattit 2 lớp và sơn nước, còn vách tole được mạ màu dày 0,4 mm.

+ Bể nước ngầm có diện tích 150 m², thành bể có kết cấu BTCT dày 200, đáy bể kết cấu BTCT dày 300, phủ lớp chống thấm Plintkote.

+ Nhà che bơm có diện tích 30 m², tường xây gạch được bả mattit 2 lớp và sơn nước Phần nền và mái có kết cấu BTCT.

+ Nhà vệ sinh có 03 cái, tường xây gạch bả mattit 2 lớp và sơn nước. Mỗi nhà vệ sinh có diện tích 5m²

+ Kho chất thải rắn thông thường được xây bằng gạch, có kích thước 50 m².

+ Kho chất thải nguy hại làm bằng container, kích thước D x R x C = 5,89 x 2,35 x 2,39 (m) = 33,08 m².

5.2. Danh mục máy móc, thiết bị

Các thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1.9: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Số lượng	Công suất sản xuất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng
1	Lò hơi	1	2,5 tấn/h	2014	Việt Nam	Đang hoạt

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

STT	Danh mục máy móc, thiết bị	Số lượng	Công suất sản xuất	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng
2	Nồi hấp	6	--	2014	Việt Nam	động ổn định
3	Lò sấy nhân	5	-	2014	Việt Nam	
4	Máy phân cỡ hạt điều	2	-	2014	Việt Nam	
5	Máy tách vỏ hạt điều	10	-	2014	Việt Nam	
6	Máy bóc vỏ lụa	3	-	2014	Việt Nam	
7	Cân điện tử	1	-	2014	Việt Nam	
8	Dây chuyền đóng gói vào bao	1	HT 16 tấn	2014	Việt Nam	
9	Xe nâng 2 tấn	8	2 tấn	2015	Việt Nam	
10	Máy hút chân không	1	10 tấn	2015	Việt Nam	
11	Bình chữa cháy	30	Loại 8kg	2014	Việt Nam	
12	Xe tải	01	30 tấn	2015	Hàn Quốc	
13	Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, fax.....)	02 máy tính; 02 máy in	-	2015	Việt Nam	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

5.3. Vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

Theo giấy phép kinh doanh số 3801066488 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 27/12/2013, chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 9/9/2022, tổng vốn đầu tư của cơ sở là **20.000.000.000** (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*).

5.4. Nhu cầu về nhân sự và tổ chức quản lý Cơ sở

a. Nhu cầu lao động

Số lượng lao động cần thiết cho nhà máy khoảng 30 người làm việc trong 2 ca, mỗi ca 8 giờ (trường hợp có tăng ca), 1 tháng làm việc 26 ngày (312 ngày/năm).

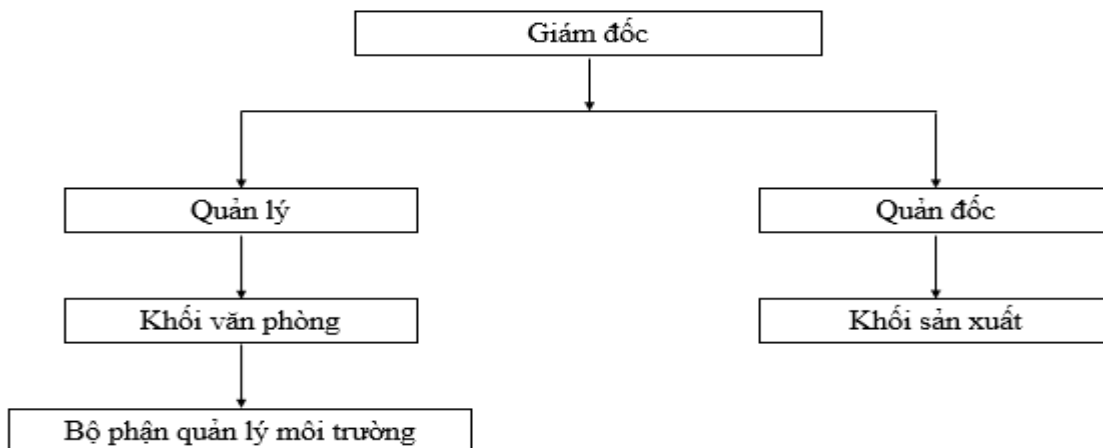
b. Tổ chức quản lý cơ sở

- Số ngày làm việc: 06 ngày/tuần, trừ ngày chủ nhật (các ngày nghỉ lễ theo đúng quy định của nhà nước).

- Thu nhập cho người lao động: Công ty khi hoạt động ổn định sẽ tạo công ăn việc làm thường xuyên và ổn định cho lao động tại địa phương. Hàng năm, Chủ cơ sở thực hiện điều chỉnh lương cán bộ theo định kỳ nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống để cán bộ công nhân viên Công ty yên tâm công tác; đảm bảo các chế độ chính sách về

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

BHXH, BHYT được thực hiện đầy đủ, nhằm đem lại sự ổn định và gắn bó làm việc của cán bộ công nhân viên Công ty. Chủ cơ sở tiếp tục tạo điều kiện về đào tạo, tạo môi trường làm việc thuận lợi để mọi cán bộ công nhân viên Công ty có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.



Hình 1.5: Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty

Bảng 1.10: Nhu cầu sử dụng lao động

STT	Bộ phận	Nhu cầu lao động (Người)
I	Cán bộ quản lý	
1	Giám Đốc	01
2	Phó Giám Đốc	01
II	Bộ phận nhân viên	
1	Bộ phận điều hành – hành chính	02
2	Bộ phận kế hoạch kinh doanh	02
III	Các bộ phận khác	
1	Bộ phận nghiệp vụ, kỹ thuật	02
2	Bộ phận sản xuất, dịch vụ sản xuất	18
3	Bộ phận quản lý chất lượng	01
4	Bảo vệ, tạp vụ	02
5	Phòng môi trường	01
Tổng cộng		30

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

– Theo quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030 với mục tiêu cụ thể như sau: Ngăn chặn xu hướng tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, car-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước. Do đó, cơ sở phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

– Theo quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 5/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với quan điểm phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái vùng, ít chất thải, hướng đến nền kinh tế xanh. Tại cơ sở sử dụng các máy móc, thiết bị hiện đại, tự động hạn chế phát sinh chất thải và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đúng quy định.

– Cơ sở chế biến hạt điều của Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đảm bảo xử lý triệt để toàn bộ chất thải phát sinh theo đúng quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động. Công ty sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa các nguồn gây ô nhiễm môi trường, kiểm soát nguồn gây ô nhiễm, đồng thời áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo phù hợp với chiến lược môi trường quốc gia.

1.2 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường phân vùng

Theo quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 cụ thể:

- Mục tiêu lập quy hoạch: Là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghệ chế biến.

- Quan điểm quy hoạch: đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng nhất với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030. Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách

thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đảm bảo sự sinh kế bền vững của người dân.

1.3 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh

Theo Nghị quyết số 01/NĐ –HDND ngày 17/1/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 cụ thể:

- Phát triển kinh tế dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo đà để nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng; chủ động tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách Mạng công nghiệp 4.0 lấy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn làm trọng tâm và là yếu tố then chốt để phát triển; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút tài năng và năng lực hội nhập quốc tế; tạo đột phá trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội hợp lý để khai thác hiệu quả lợi thế vị trí của Bình Phước trong vùng kinh tế Đông Nam Bộ và chuyển tiếp Tây Nguyên.

- Mục tiêu phát triển: Đến năm 2050, Bình Phước cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp phát triển nhanh và đi đôi với bền vững. Đến năm 2030, tỉnh Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững, là điểm đến hấp dẫn của Vùng Đông Nam Bộ. Đến năm 2030, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển giàu mạnh và văn minh.

- Phát triển công nghiệp nhanh và bền vững theo hướng ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao như: chế biến, chế tạo, phụ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu, công nghệ thông tin,... chú trọng nâng cao trình độ công nghệ. Mở rộng và phát triển mới các khu, cụm công nghiệp.

- Công nghiệp chế tạo: tận dụng cơ hội tham gia hiệp định CPTPP, EVFTA để thu hút đầu tư nâng cấp chuỗi công nghiệp chế biến, chế tạo; khuyến khích các doanh nghiệp có hoạt động nâng cấp chuỗi giá trị và hướng tới các hoạt động có giá trị tăng cao hơn.

Do đó, “*Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm*” của Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự tại Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước là hoàn toàn phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan.

1.4 Sự phù hợp của địa điểm thực hiện cơ sở

Nhà xưởng sản xuất và chế biến hạt điều của Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự đã được UBND Thị xã Phước Long chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cơ sở “ Xưởng chế biến hạt điều – Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự” tại thông báo số 04/TB-UBND ngày 25/01/2014. Do đó, Cơ sở được triển khai tại Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước hoàn

toàn đúng quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển của tỉnh Bình Phước. Tỉnh Bình Phước có nhiều chính sách thu hút đầu tư thiết thực, hiệu quả; vận dụng linh hoạt các chính sách của trung ương phối hợp tình hình thực tế địa phương; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chuẩn bị quỹ đất sạch để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh ổn định, lâu dài trên địa bàn tỉnh.

Như vậy địa điểm thực hiện cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

“Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm” được triển khai tại Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước với cơ sở hạ tầng công nghiệp tốt. Hệ thống đường nội bộ được hoàn thiện. Hệ thống cung cấp điện, nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng nhu cầu cho cơ sở.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

“Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm” của Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự thuộc cơ sở nhóm C loại hình sản xuất không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Về môi trường không khí: Hiện trạng môi trường không khí khu vực cơ sở chưa bị ô nhiễm. Khí thải từ hoạt động của lò hơi được xử lý tại nhà xưởng trước khi xả ra môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ.

Về môi trường đất: Cơ sở không thải chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải trực tiếp ra môi trường đất, không có các hoạt động nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

Về môi trường nước:

Đối với nước thải sinh hoạt: được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đạt QCVN 14-2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

Đối với nước thải sản xuất: Toàn bộ nước thải từ quá trình hấp điều, lò hơi và nước thải hệ thống xử lý khí thải sẽ được thu gom về bể chống thấm, bàn giao lại cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý định kỳ khi đầy.

Kết luận: Cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

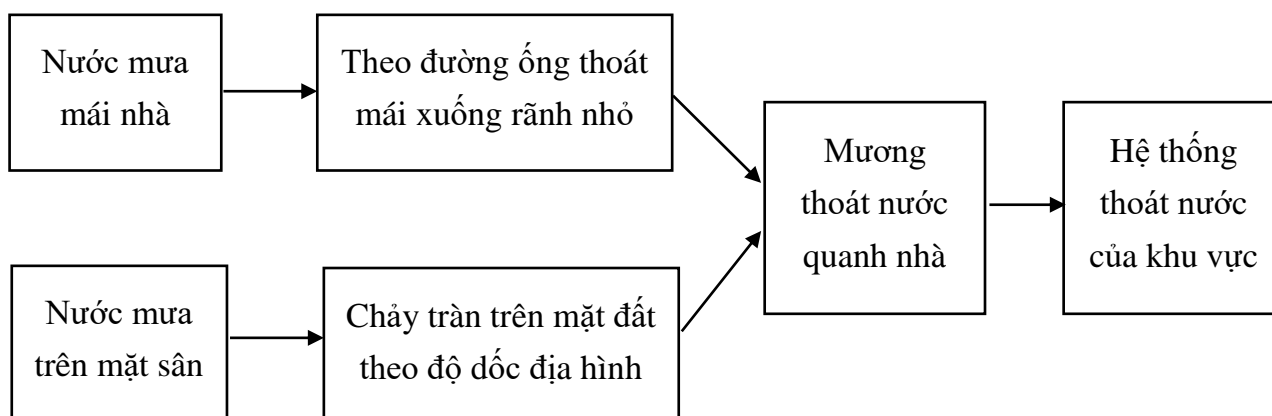
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở được bố trí dọc theo nhà xưởng và riêng biệt với tuyến thoát nước thải. Nước mưa trong cơ sở sẽ được thu gom và đầu nối với hệ thống thu gom nước mưa của thị xã Phước Long. Cống thoát nước mưa là cống bê tông cốt thép kín có đường kính 0,5m.

Hệ thống đường ống thu gom nước mưa của nhà xưởng được lắp đặt khép kín, xây âm dưới đất, với chiều dài đường ống từ nhà xưởng đến điểm thoát đặt tại cuối nhà xưởng là 700m. Nước mưa được thu gom bằng ống uPVC Ø200 chạy dọc theo nhà xưởng và được dẫn về 02 hố ga thoát nước mưa nội bộ của cơ sở đặt ở phía cuối nhà xưởng.



Hình 3.1: Sơ đồ quy trình xử lý nước mưa chảy tràn

Thuyết minh quy trình:

– Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa PVC. Toàn bộ lượng nước mưa này được dẫn vào hệ thống mương hở chạy dọc xung quanh khuôn viên nhà xưởng, xây dựng bằng gạch với chiều rộng khoảng 0,2 – 0,5 m, sau đó thoát ra mương thoát nước mưa phía cuối cơ sở và tự chảy theo mương nước tự nhiên chảy ra.

– Nước mưa trên các khu vực sân bãi và đường nội bộ sẽ chảy vào các hố thu gom nước mưa xây dựng dọc theo nhà xưởng, sau đó dẫn đến cống thoát nước mưa của nhà xưởng bằng cống BTCT, đường kính $D = 200\text{mm}$.

– Nước mưa từ mương thoát nước mưa của xưởng sẽ được đầu nối ra hố ga thoát nước chung của cơ sở bằng cống BTCT, đường kính $D = 200\text{mm}$, tại 1 điểm nằm trên trên đường ĐT 759.

Cống thoát nước mưa được bố trí dưới lòng đường theo hình thức tự chảy có độ dốc $i=0,5\%$ để đảm bảo thời gian chảy là nhanh nhất, hướng dốc thoát nước của khu vực theo hướng từ Đông sang Tây đặc biệt theo độ dốc của địa hình.

– **Vị trí đầu nối nước mưa:** Nước mưa chảy tràn của Nhà xưởng được thu gom sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa phía cuối cơ sở qua 01 cửa xả theo hình thức tự chảy.

– Vị trí tọa độ điểm đầu nối nước mưa (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°):

+ Vị trí 1: đầu nối với hệ thống nước mưa của thị xã Phước Long (nằm ngay đường ĐT 759) X = 1.308.108; 576.005

+ Vị trí 2: Nước mưa thoát ra môi trường phía cuối nhà xưởng, X = 1.308.103, Y= 576.001

Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Xây dựng mương thoát nước mưa Kích thước: 0,2 – 0,5m, chiều dài 700m Vật liệu: BTCT, xây gạch thẻ, dày 100mm	Hệ	1

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)



Hình 3.2: Ống thu gom nước mưa và cống thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom, thoát nước thải

❖ Nguồn phát sinh nước thải

Cơ sở phát sinh nước thải từ những nguồn sau:

Bảng 3.2: Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở

STT	Đối tượng sử dụng	Định mức sử dụng	Quy mô tính toán	Cơ sở tính toán	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)
1	Sinh hoạt công nhân	45 lít/người.ngày	30 người	QCVN 01:2019/BXD	1,35	1,35
2	Nước xả đáy lò hơi	-	-	Kinh nghiệm của chủ cơ sở	14,4	0,01
3	Nước thải hấp điều	-	-	Kinh nghiệm của chủ cơ sở		0,02
4	Nước thải từ HTXL khí thải (cụ thể từ bể hấp thụ của HTXL khí thải).	Xả 1 tháng/lần	1 bể	Thiết kế HTXL khí thải	1	0,033
5	Nước làm ẩm			Kinh nghiệm của chủ cơ sở	2	-
6	Nước tưới cây			Kinh nghiệm của chủ cơ sở	3	0
7	Nước rửa đường			Kinh nghiệm của chủ cơ sở	2	0
Tổng cộng					23,75	1,413

Cơ sở đầu tư phát sinh nước thải từ 02 nguồn thải: sinh hoạt công nhân, HTXL khí thải lò hơi và Nước thải hấp điều với lưu lượng xả thải cao nhất 1,413 m³/ngày.đêm.

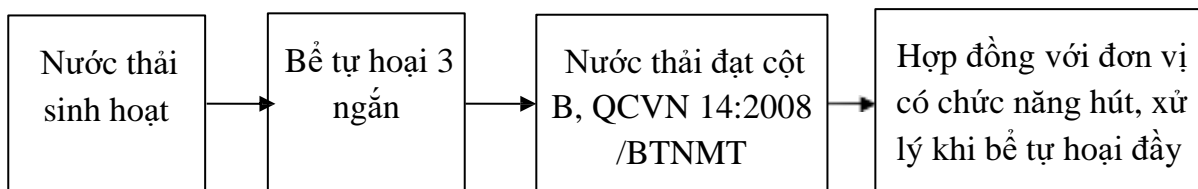
➤ **Nước thải sinh hoạt**

Nguồn phát sinh: Nước thải từ các nhà vệ sinh của công nhân viên tại cơ sở phát sinh 1,35 m³/ngày. Công ty không nấu ăn tại cơ sở.

Toàn bộ nước thải từ nhà vệ sinh được dẫn theo đường ống PVC D90 về bể tự hoại 03 ngăn của cơ sở để xử lý. Cơ sở có tổng 06 bể tự hoại có thể tích có kích thước 1,5m×2,0m×2,0m (D×R×S) = 12m³. Nước thải sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn, khi bể tự hoại đầy sẽ tiến hành hợp đồng với đơn vị có chức năng, hút và thu gom xử lý theo đúng qui định hiện hành.

Vì tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh không nhiều khoảng 1,35 m³/ngày.đêm theo Luật bảo vệ môi trường hiện hành (theo Khoản 1, Điều 53, Luật bảo

vệ môi trường 2020), chủ cơ sở nhận thấy lượng nước thải phát sinh phải được xử lý đáp ứng quy chuẩn hiện hành trước khi thoát ra môi trường. Mặc khác do nước thải phát sinh tại Cơ sở với lưu lượng rất ít, nên chủ Cơ sở đề xuất biện pháp sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sẽ lưu chứa tại đây, đến khi bể đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành, không xả thải vào nguồn tiếp nhận.



Hình 3.3: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên (bao gồm nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay, chân,...) phát sinh khoảng 1,35 m³/ngày.đêm với thành phần đặc trưng gồm hợp chất hữu cơ (BOD, COD), tổng N, tổng P, TSS, dầu mỡ, coliform... Toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cơ sở hiện sử dụng 01 khu nhà vệ sinh, với 01 bể tự hoại có tổng thể tích là 12m³ được đặt ở khuôn viên bên cạnh nhà xưởng. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn đảm bảo xử lý sơ bộ đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT.

Khi bể tự hoại đầy, chủ Cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng đến bơm hút, vận chuyển và xử lý theo quy định.

➤ **Nước thải sản xuất**

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở, nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ:

– **Nước xả đáy lò hơi:** Cơ sở sử dụng lò hơi đốt củi để cấp nhiệt cho quá trình sấy. Công suất lò hơi đốt củi sử dụng là 2,5 tấn/giờ. Ước tính lưu lượng xả đáy lò hơi sử dụng khoảng 0,01 m³/ngày. Cơ sở sử dụng nước sạch để cấp nước cho lò hơi. Do đó, nước trong lò hơi chứa rất ít cặn. Tuy nhiên, Cơ sở vẫn thường xuyên kiểm tra chất lượng nước trong lò hơi bằng cách tiến hành xả nước đáy lò hơi hằng ngày. Lưu lượng xả đáy lò hơi theo thực tế khoảng **0,01 m³/ngày**. Lượng nước xả đáy lò hơi phụ thuộc vào TDS và độ cứng của nước cấp sử dụng cho lò hơi. Thành phần nước xả đáy lò hơi có TSS cao.

– **Nước thải hấp điều:** Trong quá trình hấp điều, một lượng hơi nước ngưng tụ mang theo các tạp chất từ hạt điều tạo thành nước thải. Nước thải hấp điều có độ màu cao và hàm lượng TSS cao, phát sinh thực tế khoảng **0,02 m³/ngày**.

– **Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải:**

+ Quá trình hoạt động của lò hơi đốt củi làm phát sinh khí thải. Khí thải từ lò hơi đốt củi được dẫn qua HTXL khí thải để xử lý có sử dụng nước để hấp thụ các chất ô

niêm trong khí thải. Lượng nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được hệ thống bơm tuần hoàn, sử dụng lại liên tục nên lượng nước thải sản xuất phát sinh rất ít, trung bình 1 tháng mới xả bỏ 01 lần. Tổng lượng nước thải sản xuất khoảng 1 m^3 /tháng, tương đương **0,033 m^3 /ngày**.

+ Lượng nước này có thành phần ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, phospho, Chất rắn lơ lửng, nito hữu cơ có nguồn gốc từ các thành phần nhựa cây bay hơi, nitrat, nitrit sinh ra do NO₂ phản ứng với nước.

– **Tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh rất ít khoảng: 0,063 m^3 /ngày** (Ước tính $1,638 \text{ m}^3$ /tháng). Do đó, Cơ sở không tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

➤ **Biện pháp, công trình xử lý chất thải:**

– Lượng nước thải phát sinh Cơ sở sẽ tiến hành thu gom tại bể chứa xây bê tông chống thấm, có thể tích $1,5 \text{ m}^3$ (kích thước D x R x H = 1,5m x 1m x 1m) và một bể chứa inox thể tích 6 m^3 . Trường hợp nếu nước trong bể chứa bê tông đầy sẽ dùng bơm bơm nước thải vào bể chứa inox. Tổng thể tích chứa nước thải khoảng $7,5 \text{ m}^3$. Như vậy hệ thống có lưu chứa nước thải sản xuất trong khoảng 4 tháng.

– Khi nước thải phát sinh đầy Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển và mang đi xử lý đúng quy định, định kỳ 3 tháng/lần. Lượng nước thải sản xuất của cơ sở tuy không lớn nhưng không có biện pháp thu gom, xử lý sẽ ảnh hưởng đến môi trường đất, nước. Cơ sở sẽ có các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải sản xuất.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ

Nguyên lý hoạt động của hầm tự hoại:

Nước thải sinh hoạt của công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nito, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

Theo sách “Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến của PGS.TS Nguyễn Việt Anh, trường Đại học Xây dựng, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội – 2007” thể tích phân bùn được tính như sau:

Thể tích phân bùn:

$$W_c = a \times b \times c \times N \times T \times (100 - P_1): [1000 \times (100 - P_2)]$$

Trong đó:

a: Lượng cặn trung bình tạo ra của một người trong 1 ngày, lấy $a = 0,5 - 0,8$ lít/người/ngày;

b: Hệ số tính đến sự giảm thể tích khi lên men cặn, lấy $b = 0,7$;

c: Hệ số kể tới việc phải để lại một lượng bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút.

Với lượng bùn cặn để lại là 20%, khi đó $c = 1,2$;

T: Thời gian giữa 2 lần hút cặn, lấy $T = 365$ ngày;

P_1 : Độ ẩm của cặn tươi, $P_1 = 95\%$;

P_2 : Độ ẩm của cặn đã lên men, $P_2 = 90\%$;

N: Số người mà bể phục vụ, $N = 30$ người;

$$W_c = [0,5 \times 0,7 \times 1,2 \times 30 \times 365 \times (100 - 95)]: [1000 \times (100 - 90)]$$

$$W_c = 2,3 \text{ m}^3 \text{ (1)}$$

Thể tích phân bùn theo tính toán khoảng $2,3 \text{ m}^3$, bùn trong bể tự hoại định kỳ được bơm hút (1 năm/lần) và đem đi xử lý đúng quy định.

Thể tích phần nước: $W_n = K \times Q = 1,2 \times 1,35 = 1,62 \text{ m}^3 \text{ (2)}$

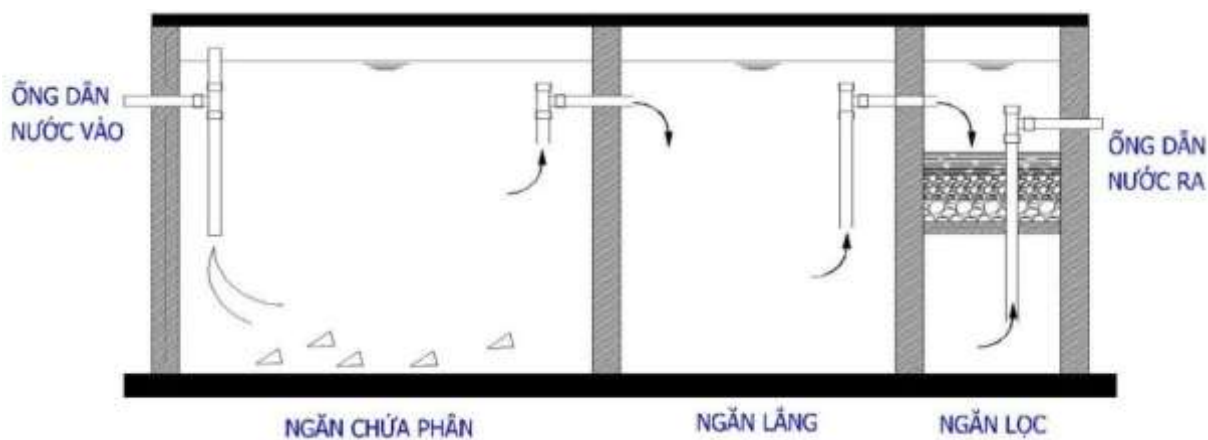
Trong đó:

+ K: hệ số lưu lượng, $K = 1,2$

+ Q: Lưu lượng nước trung bình của công nhân trong giai đoạn hoạt động ổn định, $Q = 1,35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

$$\text{Thể tích bể tự hoại } W_{b\grave{e}} = W_n + W_b = 2,3 + 1,62 = 3,92 \text{ m}^3$$

Hiện tại Cơ sở đã có 06 bể tự hoại với tổng thể tích bể là 12 m^3 . Như vậy đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt.



Hình 3.4: Sơ đồ bể tự hoại 03 ngăn của cơ sở

Bảng 3.3: Thông số kỹ thuật của bể tự hoại

STT	Hạng mục	Vị trí xây dựng	Số lượng	Kích thước (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại - Thời gian lưu: 1 - 3 ngày - Diện tích của bể: 12 m ³ - Vật liệu: Bê tông đá M200	Khu vực xưởng sản xuất	06	3,0m×2,0m×2,0m	12	BTCT

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

1.3.2 Nước thải sản xuất

Tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh rất ít khoảng: 0,063 m³/ngày (Ước tính 1,638m³/tháng. Lượng nước thải phát sinh Cơ sở đã tiến hành thu gom tại bể chứa xây bê tông chống thấm, có thể tích 1,5m³ và một bể chứa inox thể tích 6m³. Trường hợp nếu nước trong bể chứa bê tông đầy sẽ dùng bơm bơm nước thải vào bể chứa inox. Tổng thể tích chứa nước thải khoảng 7,5m³.

Khi bể chứa đầy, Cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển và mang đi xử lý theo đúng quy định. Lượng nước thải sản xuất của cơ sở tuy không lớn nhưng không có biện pháp thu gom, xử lý sẽ ảnh hưởng đến môi trường đất, nước. Công ty sẽ có các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải sản xuất.

Bảng 3.4: Thông số kỹ thuật của bể chứa nước thải sản xuất

STT	Hạng mục	Vị trí xây dựng	Số lượng	Kích thước (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể chứa bên tông chống thấm	Khu vực hấp điều	01	1,5m x 1m x 1m	1,5	BTCT
2	Bể chứa inox	Khu vực hấp điều	01	-	6	Inox

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

✚ Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:

- Không có.

✚ Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

- Theo điểm b, khoản 2, điều 97 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Căn cứ vào Phụ lục XXVIII ban hành

kèm theo Nghị định này, công ty không thuộc diện phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

✚ Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác (nếu có):

Không có.

2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý khí thải

2.1 Đối với bụi, khí thải từ quá trình sản xuất

❖ Giảm thiểu ô nhiễm bụi, mùi từ quá trình vận chuyển

Để giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đã thực hiện một số biện pháp sau:

❖ Biện pháp quản lý:

– Đối với xe của cơ sở, lái xe phải tuân thủ luật giao thông và nội quy của Công ty. Cơ sở bố trí lượng xe ra vào phù hợp tránh trường hợp nhiều xe cùng tập trung cùng thời điểm để giảm bụi, ồn và khí thải phát sinh.

– Hệ thống các tuyến đường giao thông đã được bê tông hóa hoặc nhựa. Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đã quy hoạch nhà để xe cho công nhân của cơ sở.

– Trồng cây xanh xung quanh cơ sở để hạn chế phát tán bụi.

– Thực hiện phun xịt nước tại các tuyến giao thông nội bộ, bảo đảm độ ẩm và cải thiện điều kiện vi khí hậu tại cơ sở. Quy định cho các phương tiện ra vào khu vực bãi đỗ xe phải giảm tốc độ và không được bấm còi gây ồn cho khu vực.

– Thường xuyên quét dọn đường, khuôn viên Công ty.

❖ Biện pháp kỹ thuật:

– Xe của cơ sở được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường.

– Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông đường bộ. Phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh.

– Các biện pháp giảm thiểu đang áp dụng tại cơ sở rất hiệu quả. Cơ sở sẽ tiếp tục áp dụng những biện pháp này trong thời gian hoạt động.

❖ Giảm thiểu ô nhiễm bụi, mùi từ quy trình sản xuất

– Nhà xưởng được thiết kế cao ráo và thông thoáng khí tự nhiên tốt. Tốc độ gió trong khu vực làm việc của công nhân đạt 0,2 - 1,5 m/s và độ ẩm dưới 80%.

– Xây dựng cửa ra vào thông thoáng, hạn chế tối đa các tường bao xây dựng kín, giúp thông thoáng, giảm mùi, nhiệt cho nhà xưởng.

– Bố trí kết hợp hệ thống thông gió tự nhiên bằng quả cầu trao đổi nhiệt nhằm tạo điều kiện tốt cho quá trình trao đổi khí không khí với bên ngoài.

– Bố trí quạt hút cưỡng bức hướng trực đặt tại các tường nhà xưởng để tăng cường quá trình trao đổi khí, tránh mùi hôi tích tụ trong khu vực nhà xưởng.

– Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong nhà

xưởng, đồng thời nhắc nhở công nhân thường xuyên đeo khẩu trang và bao hộ lao động.

– Thực hiện nghiêm túc chế độ vận hành, chấp hành đúng quy trình công nghệ nhằm đảm bảo an toàn sản xuất, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm tại nhà xưởng sản xuất.

– Lắp đặt dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, tự động và khép kín.

2.2. Đối với bụi, khí thải từ lò hơi

2.2.1. Nguồn phát sinh

Để phục vụ cho công đoạn hấp và sấy điều, Chủ Cơ sở sử dụng 01 lò hơi đốt củi công suất 2,5 tấn/giờ. Quá trình đốt không hoàn toàn sinh ra các chất ô nhiễm như bụi, CO, NO_x, SO₂. Hệ số ô nhiễm của lò hơi tại cơ sở được trình bày như sau.

Thông số kỹ thuật cơ bản của lò hơi đốt củi công suất 2,5 tấn/giờ như sau:

- + Áp suất trong thân nồi hơi: 10 bar
- + Nhiệt độ tính toán hơi bão hòa: 183°C
- + Sản lượng hơi định mức: 1.500kg/giờ
- + Dung tích tiếp nhiệt: 43,23 m³
- + Dung tích của nồi hơi:
- + Phần chứa hơi: 0,75 m³
- + Phần chứa nước: 2,2 m³

Tham khảo catalogue của lò hơi có cùng công suất, lượng củi tiêu thụ trong quá trình đốt cấp nhiệt cho lò hơi 2,5 tấn/giờ là 200 kg/giờ, tương đương 0,200 tấn/giờ. Củi sử dụng là củi đôn sao su khô hoặc củi nén mùn cưa có độ ẩm từ 8-12%, nhiệt trị 4.600 - 4.700 kcal/kg, độ tro 1-3%. Việc đốt củi để cung cấp nhiệt cho lò hơi sẽ tạo ra các chất ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC. Hệ số ô nhiễm của lò hơi đốt củi được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3.5. Hệ số ô nhiễm của lò hơi đốt củi và tải lượng ô nhiễm trong khí thải

STT	Thông số	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nguyên liệu)	Tải lượng (kg/giờ)
1	Bụi	4,4	0,88
2	SO ₂	0,015	0,003
3	CO	13	2,6
4	NO _x	0,34	0,07

Ước tính cứ đốt 1kg củi sẽ sinh ra 9Nm³ khí thải. Vì vậy, có thể ước tính lượng khí thải sinh ra khoảng: 9 m³/kg x 200 kg/giờ = 1.800 m³/giờ. Từ lưu lượng và tải lượng khí thải tính được nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải như sau:

Bảng 3.6 Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải lò hơi đốt củi

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Bụi	mg/Nm ³	489	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	1,67	500
3	CO	mg/Nm ³	1.444	1.000
4	NO _x	mg/Nm ³	39	850

Nguồn: Tư vấn tính toán dựa trên hệ số ô nhiễm của WHO (1993)

Nhận xét: So sánh nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải phát sinh từ hoạt động đốt củi với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B cho thấy các chỉ tiêu bụi và CO vượt quy định cho phép, cụ thể:

- Hàm lượng bụi vượt quy chuẩn 2,44 lần
- Hàm lượng CO vượt quy chuẩn 1,44 lần

Bụi phát sinh từ quá trình củi của lò hơi nếu không được thu gom và xử lý sẽ phát tán ra ngoài môi trường và ảnh hưởng tới chất lượng không khí tại khu vực. Lượng bụi tro có trong khói thải lò hơi khi đốt (là lượng không cháy hết và lượng tạp chất không cháy có trong than, củi), lượng tạp chất này thường chiếm tỉ lệ 1% lượng củi khô. Lượng bụi trong khói lò khi đốt than có kích thước và nồng độ dao động trong khoảng rộng từ vài µm đến vài trăm µm. Đồng thời, quá trình đốt nhiên liệu than, củi cũng là nguồn phát sinh một số khí thải như CO, NO_x, SO₂, ... Đây là nguồn phát sinh khí thải đáng kể nhất trong quá trình sản xuất, thành phần khí thải phụ thuộc vào loại nhiên liệu đốt, chế độ cháy và tình trạng của lò. Vì vậy, Cơ sở cần có biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm khí thải lò hơi.

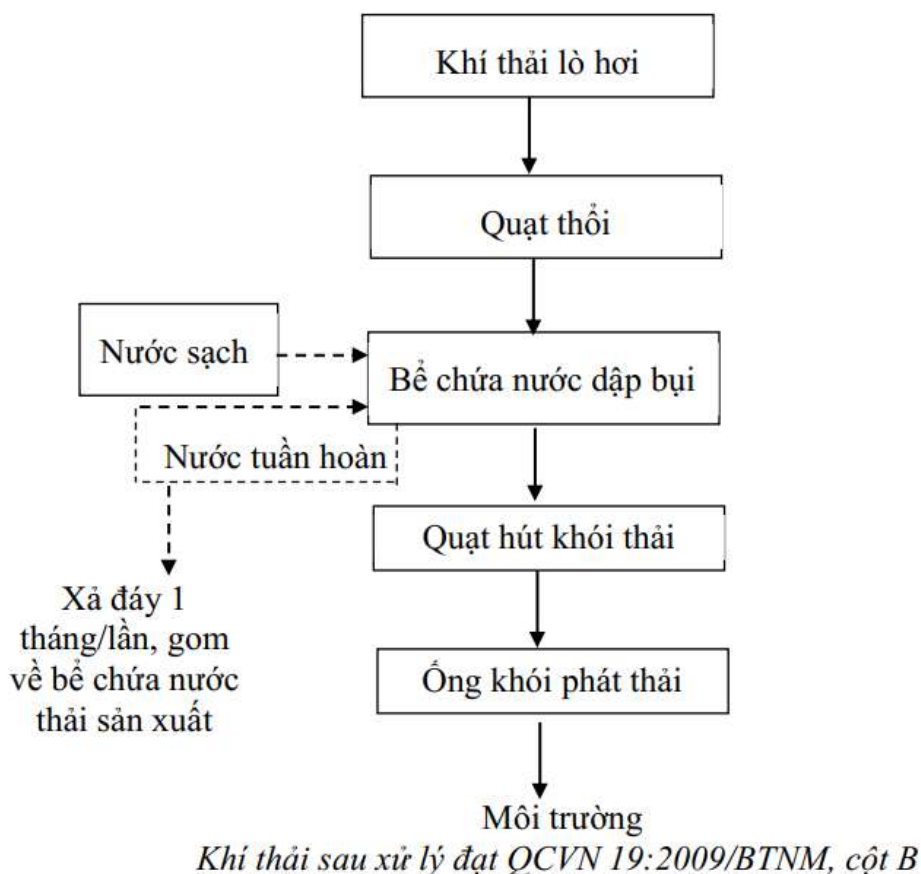
❖ Công trình thoát khí thải

Khí thải sau khi xử lý sẽ được quạt hút đẩy khí thải thoát ra ngoài qua ống thải ra môi trường không khí xung quanh. Tại 01 lò hơi bố trí 01 đường ống thải khí ra môi trường. Đường kính: 800mm, chiều cao: 30m.

2.2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải đã xây dựng

❖ Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải đầu tư thực tế tại cơ sở

Cơ sở đã bố trí đường ống thu gom khí thải từ lò hơi, dẫn tới hệ thống xử lý khí thải.



Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống thu gom khí thải lò hơi tại Cơ sở

**Thuyết minh quy trình:*

Khí thải phát sinh từ buồng đốt lò hơi theo hệ thống đường ống dẫn, được quạt thổi đẩy qua bể nước dập bụi có kích thước $D \times R \times C = 0,5m \times 1m \times 0,5m$ để thu hồi bụi có trong dòng khí thải. Nước trong bể dập bụi sẽ được xả bỏ định kỳ 01 tháng/lần, thu gom về bể bê tông chống thấm, có thể tích $1,5m^3$ và một bể chứa inox thể tích $6m^3$. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý khí thải.

Sau khi đi qua bể nước dập bụi, khí thải được quạt hút đưa ra ngoài qua ống khói có đường kính 80cm, độ cao 30m để đảm bảo chất ô nhiễm phát tán ra môi trường xung quanh không gây ảnh hưởng đến Nhà máy và các nhà dân lân cận. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Ngoài ra, cơ sở sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp sau nhằm giảm thiểu đáng kể khí CO phát sinh trong quá trình vận hành lò hơi:

- Nhiên liệu củi gỗ là luôn luôn khô.
- Không nhóm lò bằng vỏ hạt điều trong những giờ cao điểm.
- Đưa chỉ tiêu vận hành lò không có khói đen.
- Giảm việc tái nhóm lò nhiều lần bằng cách xả hơi dư thay vì tắt lò.

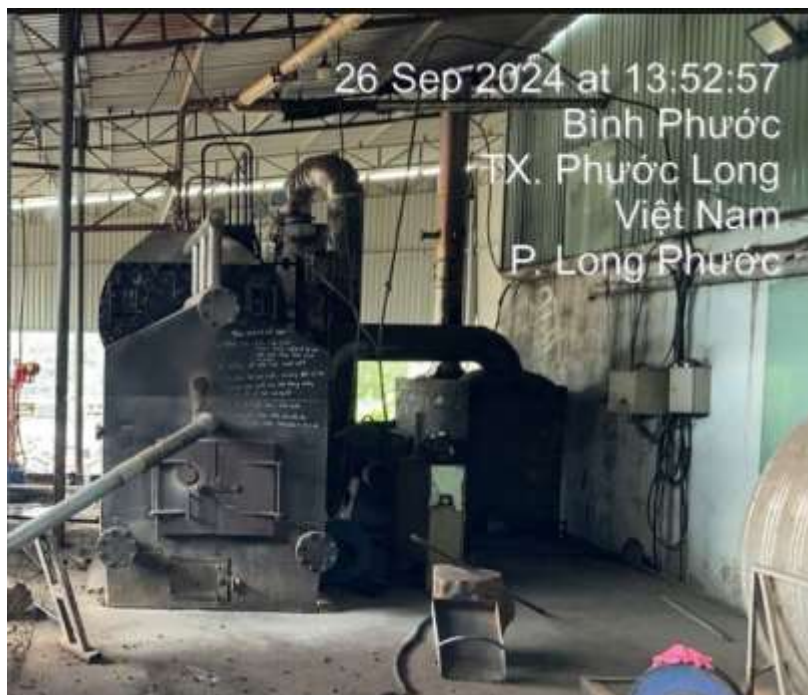
❖ **Thông số kỹ thuật công trình**

Bảng 3.7. Thông số các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi

STT	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng
I	Lò hơi công suất 2,5 tấn/h		
1.	Thiết bị trao đổi, thu hồi tận dụng nhiệt 2	Thiết bị trao đổi nhiệt làm nóng dầu BxH = 1,6 x 2,2	01
2.	Quạt thổi 1	Quạt thổi ly tâm, Q = 15.000 m ³ /h	01
3.	Bể chứa nước nước	Kích thước: D× R x H = 0,5m x 1m x0,5m Vật liệu: thép phủ Epoxy Độ dày: S =3,0mm	01
4.	Ống thải 1	D800mm, vật liệu thép phủ Epoxy Chiều cao: H = 30m (tính từ mặt đất, cao hơn mái nhà xưởng 10m)	01
5.	Quạt hút khói thải	Nguồn điện: 380V/50Hz Công suất: 0.5-30HP (0.37KW-22KW) Lưu lượng: 1400 ~ 30.000m ³ /h Cột áp: 500 ~ 4500Pa	01
6.	Hệ thống điện động lực	Dây dẫn từ tủ điện đến các thiết bị máng, ống điện và phụ kiện khác,...	01

Yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn khí thải sau xử lý: QCVN 19:2009/BTNM, cột B; K_v = K_p = 1

Tọa độ vị trí xả thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi: X: 1.308.158,78; Y: 575.908,78 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 15 phút, múi chiều 3°).



Hình 3.6: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2.2.3. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có

Theo điểm c, khoản 1, điều 98 Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Căn cứ vào Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này, Công ty hoạt động sản xuất không thuộc diện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2.3. Đối với mùi hôi tại khu vực thu gom rác và các hố ga

- Tổ chức thu gom rác thải mỗi ngày (buổi sáng từ 7h đến 9h, hoặc buổi chiều từ 16h đến 17h), không để tồn trữ rác thải tại các khu vực sản xuất.
- Chất thải được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy kín và được vận chuyển ngay trong ngày về khu tập kết rác của cơ sở, không để tình trạng tồn đọng gây phân hủy phát sinh mùi.
- Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn rác, thu gom rác thường xuyên, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắt đường ống.
- Tăng cường chất lượng công tác vệ sinh toàn khu vực, khu vực nhà xưởng, thường xuyên lau chùi, rửa sạch những nơi thường phát sinh mùi hôi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

3.1.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm (gồm: *trái cây, thức ăn dư thừa*) và chất thải rắn sinh hoạt còn lại (gồm: *các đồ dùng bằng nhựa, giấy, bao bì nylon, bì carton...*).

Cơ sở đã tiến hành thu gom, phân loại, lưu trữ theo đúng quy định Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết về một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết của Luật BVMT.

Khối lượng: Lượng rác thải ước tính theo đầu người là 0,6 kg rác thải/ngày. *Dự theo Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước, ngày 04/01/2012*(0,6kg/người/ngày của thị xã Phước Long)

Nhân viên (30 người): 0,6 kg/người/ngày x 30 người = 18 kg/ngày

Bảng 3.8: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành

STT	Thành phần	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	5.616

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

3.1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

– CTR sinh hoạt được cho vào các thùng chứa chuyên dùng được đặt tập trung ở khu vực ăn uống và sinh hoạt của công nhân, khu vực sản xuất, khu vực văn phòng.

– Thùng 10 lít, chất liệu nhựa HDPE, số lượng: 02 thùng; mỗi thùng được đặt bên cạnh nhà vệ sinh;

– Thùng 20 lít, chất liệu nhựa HDPE, số lượng: 01 thùng, đặt tại khu vực văn phòng;

– Thùng 30 lít, chất liệu nhựa HDPE, số lượng: 05 thùng, bố trí dọc các lối đi khu vực sản xuất;

– Thùng 240 lít, chất liệu nhựa HDPE, số lượng: 02 thùng để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở.

– Rác thải sinh hoạt đã hợp đồng đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Công ty đã ký hợp đồng với Thị xã Phước Long để thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt định kỳ 02 ngày/lần.

– Phân loại rác: Rác sinh hoạt từ nhà ăn, văn phòng làm việc của nhân viên thu gom về khu tập kết rác. Công tác phân loại sẽ được nhân viên vệ sinh tại công ty thực hiện, Rác sinh hoạt hữu cơ được bỏ vào trong thùng rác màu xanh.

3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.2.1. Nguồn phát sinh

– Bao bì chất thải rắn phát sinh từ khu vực văn phòng như: Bìa carton, giấy, ... sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải tái chế và định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình vận hành khoảng 200kg/năm.

– Khối lượng vỏ hạt điều phát sinh trong năm khoảng 7800 tấn/năm. Được lưu chứa trong bồn chứa bằng thép: Bồn 1: 5m x 5m x 5m (Sức chứa 20 tấn) Bồn 2: 5m x

10m x 5m (sức chứa 35 tấn).

– Bụi tro từ lò hơi, băng tải, pallet thải, túi hút ẩm sẽ được thu gom và lưu chứa tại kho chất thải rắn. Định kỳ sẽ có đơn vị đến thu gom và mang đi xử lý đúng quy định.

Bảng 3.9: Chứng loại và số lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng xin cấp GPMT(kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT
1	Vỏ hạt điều	7.800.000	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý đúng quy định
2	Vỏ lụa hạt điều	150.000	
3	Bao bì thải, Pallet thải	600	
4	Bìa carton, giấy	200	
5	Túi hút ẩm, bao bì nilong thải	600	
6	Bụi tro từ lò hơi	300	
Tổng cộng		7.951.700	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

3.2.2. Thu gom, lưu trữ

- Khu vực chứa CTCNTT của cơ sở là 50 m²
- Nền xây cao, khô ráo tránh ứ đọng nước.

3.2.3. Vận chuyển, xử lý:

Hiện tại, Cơ sở ký hợp đồng với Công ty đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định.



Hình 3.7: Kho lưu chứa vỏ lụa của cơ sở



Bồn chứa vỏ điều số 1



Bồn chứa vỏ điều số 2

Hình 3.8: Kho lưu chứa vỏ hạt điều của cơ sở

Các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn công nghiệp thông thường mà Cơ sở đang áp dụng:

- Chất thải rắn công nghiệp có khả năng tái sử dụng như bao bì đóng gói nguyên liệu và thành phẩm, bao nylon; thùng carton được tập trung tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp.
- Vỏ lụa hạt điều, vỏ hạt điều được thu gom và chuyên giao cho đơn vị mang đi xử lý đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: CTNH phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy
- Khối lượng và thành phần phát sinh: hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu, pin ắc quy thải, dầu nhớt thải, ...

Bảng 3.10: Khối lượng, chủng loại Chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Xin cấp GPMT (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	16 01 06	Rắn	2
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	100
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy, can chứa dầu nhớt)	18 01 02	Rắn	12
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50
7	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	Rắn	2
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	4
9	Cặn từ HTXLKT lò hơi	12 01 01	Rắn	20
Tổng cộng				190

(Nguồn: Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2025)

❖ Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng nhựa HDPE 120 lít, có dán mã số phân loại, có nắp đậy chứa CTNH.
- Khu vực lưu giữ: Cơ sở đã và đang thực hiện phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa CTNH chuyên dụng. Toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của Nhà xưởng sẽ được thu gom và phân loại riêng, sau đó tập kết về kho lưu chứa CTNH, có đầy đủ các phương tiện PCCC.
- Thông số kỹ thuật cơ bản của kho lưu chứa CTNH:
 - + Kích thước: D x R x C = 5,89 x 2,35 x 2,39 (m)
 - + Vật liệu: Thùng container 20 feet. Nhà chứa có mái che, có biển báo ghi rõ khu

vực lưu chứa CTNH và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại CTNH đang lưu trữ. Các thùng chứa chất lỏng, chất thải dạng rắn được sắp xếp ngay ngắn trong kho chứa.

– Vận chuyển, xử lý: Cơ sở đang ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý là đơn vị có chức năng xử lý CTNH định kỳ đến thu gom, vận chuyển và mang đi xử lý đúng quy định không gây ô nhiễm môi trường. Tần suất thu gom: 01 lần/năm.

+ Định kỳ 01 lần/năm Cơ sở sẽ nộp báo cáo quản lý chất thải được tích hợp trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Công ty gửi về Phòng TNMT thị xã Phước Long, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước đúng quy định tại Thông tư 02/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022.



Thùng chứa CTNH



Khu vực lưu chứa CTNH

Hình 3.9: Hình ảnh kho CTNH của Cơ sở

5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Do tính lan truyền lớn nên tiếng ồn và rung động chủ yếu cần khống chế tại nguồn. Chủ cơ sở sẽ áp dụng những biện pháp giảm thiểu để đảm bảo trong khu vực nhà máy tiếng ồn đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, độ rung đạt QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

- Dây chuyền công nghệ của nhà máy sẽ được trang bị các thiết bị thế hệ mới, hiện đại, tránh gây ồn, chấn động;
- Bố trí các máy móc trong dây chuyền sản xuất hợp lý, tránh các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn;
- Không vận hành quá tải các máy móc, thiết bị, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị, tra dầu bôi trơn máy, phát hiện kịp thời âm thanh khác

thường phát ra từ máy đang hoạt động và có biện pháp sửa chữa, thay thế phụ tùng;

- Tại hệ thống sẽ lắp đặt thiết bị có mức độ ồn thấp, thiết bị giảm thanh và vật liệu cách âm tại những nơi cần thiết;

- Thường xuyên tra dầu nhớt bôi trơn máy móc để máy móc làm việc ở trạng thái tốt nhất;

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy nhằm giảm sự phát tán tiếng ồn và khí thải.

- Để giảm thiểu tiếng ồn từ quá trình sản xuất, Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đã thực hiện các biện pháp sau:

- + *Đối với tiếng ồn do phương tiện giao thông:*

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, thành phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi ngoài bãi xe.

- + *Đối với tiếng ồn từ thiết bị, máy móc trong nhà xưởng:*

- Bố trí máy móc gây ồn trong một khu vực chung và cách ly với các khu vực khác, giảm rung cho tất cả các thiết bị;

- Các loại máy móc, thiết bị sinh ồn đều được đặt trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm tiếng ồn và độ rung;

- Đặt máy móc nơi có nền bằng phẳng;

- Trong các loại máy móc trong nhà xưởng sẽ phát sinh ra tiếng ồn nhiều nhất. Máy chế điều, máy sàng điều được bố trí tại vị trí riêng biệt với các công đoạn khác, tránh cộng hưởng mức ồn do nhiều máy móc hoạt động cùng lúc;

- Các máy móc cũng được lựa chọn loại tốt, độ an toàn cao. Dây chuyền vận hành đồng bộ đảm bảo công suất, chất lượng thành phẩm, thân thiện môi trường và an toàn trong vận hành. Các máy móc đều được kiểm định chất lượng từ các hãng sản xuất uy tín trong và ngoài nước, có độ ồn thấp, thân thiện với môi trường.

- Sau một thời gian sử dụng máy móc bị cũ kỹ sẽ phát sinh tiếng ồn lớn. Do vậy bộ phận bảo trì sửa chữa lên lịch kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trong quá trình vận hành và tiến hành bảo dưỡng, hiệu chỉnh máy móc thiết bị định kỳ.

- Tuyên truyền người lao động khi sử dụng xe máy ra vào giờ cao điểm hạn chế nổ máy xe, khuyến khích dắt bộ khi ra vào khu vực để xe;

- + *Giảm thiểu tiếng ồn, rung cho công nhân:*

- Tại các khu vực có phát sinh tiếng ồn nhiều công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn như nút bịt tai, mũ, quần áo BHLĐ, đặc biệt tại những vị trí có

mức ồn cao.

– Bố trí chế độ làm việc nghỉ ngơi hợp lý cho các công nhân trực tiếp làm việc tại các khu vực có tiếng ồn và rung động, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

– Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân, tránh trường hợp có phương tiện BHLĐ mà không sử dụng.

– Định kỳ hằng năm đo kiểm môi trường lao động theo đúng quy định.

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ quá trình sản xuất đã áp dụng tại cơ sở mang lại hiệu quả cao, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

– Quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

+ Tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

❖ **Biện pháp giảm thiểu do ô nhiễm nhiệt**

Để hạn chế ô nhiễm nhiệt, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

– Giải pháp kiến trúc nhà xưởng hợp lý: thiết kế nhà xưởng có độ thông thoáng cần thiết để lưu thông không khí giữa khu vực sản xuất và môi trường xung quanh;

– Thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ô nhiễm bên trong nhà xưởng như tổ chức thông gió kết hợp với hệ thống điều hòa không khí cho cơ sở.

– Hệ thống thông gió trong nhà xưởng, văn phòng;

– Tăng cường trồng cây xanh.

❖ **Biện pháp giảm thiểu tác động của khu vực vận chuyển nguyên liệu**

Để giảm thiểu tác động của khu vực vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm ta thực hiện một số biện pháp như sau:

– Sân bãi bê tông hóa và thường xuyên quét dọn, phun nước để hạn chế bụi do các phương tiện vận chuyển, đi lại gây ra và bụi khuếch tán vào không khí.

– Xe vận chuyển được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường. Xe chở đúng tải trọng và có phủ bạt trên thùng chứa. Sử dụng nhiên liệu chứa hàm lượng các chất gây ô nhiễm thấp;

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi

– Định kỳ bảo trì lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi;

– Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị như quạt hút, quạt thổi.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống thu gom và thoát khí thải, đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ lò hơi.
- Định kỳ vệ sinh và thay nước của bể hấp thụ khí thải để hiệu quả xử đạt tối đa.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra đường ống đầu nối dẫn nhiệt từ lò hơi tới các công đoạn phục vụ sản xuất;
- Khi lò hơi xảy ra sự cố, người phụ trách vận hành lò hơi sẽ thông báo với ban lãnh đạo Công ty và liên hệ với đơn vị bảo hành khắc phục sự cố nhanh chóng;
- Khi hệ thống xử lý khí thải lò hơi xảy ra sự cố, người phụ trách vận hành sẽ ngưng hoạt động lò hơi, thông báo với ban lãnh đạo Công ty và liên hệ với đơn vị bảo trì khắc phục sự cố. Quy trình ngưng hoạt động lò hơi như sau:
 - + Xoay công tắc chính từ vị trí ON sang vị trí OFF hay về 0;
 - + Tắt hệ thống cấp nhiên liệu, đóng các van trên đường hút và đẩy;
 - + Tắt bơm nước trung gian (nếu có), đóng các van trên đường hút và đẩy;
 - + Tắt quạt gió cung cấp cho các cyclone;
 - + Cắt cầu dao điện để ngưng cung cấp điện cho tủ điều khiển;
 - + Kiểm tra lại toàn bộ, vệ sinh thiết bị, sau đó ghi sổ theo dõi vận hành;
 - + Khi ngừng sản xuất, áp suất hơi trong lò hơi sẽ giảm về 0, bằng cách xả đáy kết hợp với bơm nước;
 - + Khi ngừng hoạt động dài hạn nên có kế hoạch bảo dưỡng, vệ sinh và biện pháp phòng chống ăn mòn trong và ngoài lò hơi.

Ngoài ra, tạm dừng dây chuyền sản xuất tại khu vực có xảy ra sự cố để bảo trì, sửa chữa cho đến khi hệ thống xử lý khí thải vận hành ổn định, tuyệt đối không xả khí thải ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với bể tự hoại

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
 - Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
 - Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông cống ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.
 - Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm cầu.
 - Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, đầu nối nước thải, ngưng hoạt động

đối với các công đoạn phát sinh nước thải hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất tại cơ sở để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

❖ Biện pháp phòng chống cháy

Hiện tại, hệ thống PCCC của nhà xưởng của Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đã được cảnh sát PCCC &CNCH công an tỉnh Bình Phước nghiệm thu ngày 21/5/2024 theo công văn số 64/TD-PCCC&CNCH của phòng Cảnh sát PCCC & CNCH công an tỉnh Bình Phước. Các nguồn nước chữa cháy, bể cấp nước chữa cháy dung tích 600 m³ ở vị trí thuận lợi cho việc lấy nước và có lượng nước đủ để có thể dập tắt đám cháy nhanh chóng; bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa;

– Các thiết bị PCCC để nơi dễ nhìn, dễ lấy; lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy tại nhà xưởng, văn phòng, kho thành phẩm, kho chứa chất thải và các công trình phụ trợ khác.

– Lắp đặt đầy đủ hệ thống chống sét

– Lắp đặt 03 cụm bơm chữa cháy và hệ thống chữa cháy tự động sprinkler với lưu lượng 35 l/s.

– Lắp đặt hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên)

– Có giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.

– Kiểm tra hệ thống điện định kỳ.

– Tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục về PCCC (3 tháng/lần);

– Trong khu vực có thể gây cháy (khu vực chứa nguyên liệu, thành phẩm, kho chứa rác thải) công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa.

– Định kỳ phối hợp với đơn vị có chức năng đánh giá tình trạng sử dụng của thiết bị PCCC hiện trạng để cơ sở có phương án thay thế kịp thời.

– Định kỳ 1 năm/lần, cơ sở sẽ phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy có chức năng thực hiện diễn tập PCCC tại cơ sở. Đồng thời, cử cán bộ tại cơ sở đi tập huấn các lớp về phòng cháy chữa cháy.

– Niêm yết tên, đơn vị PCCC của UBND thị xã Phước Long, cảnh sát PCCC để liên lạc trong trường hợp sự cố xảy ra.

– Trong toàn bộ nhà xưởng đã trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC với số lượng 30 bình và 04 bình kéo đặt tại vị trí dễ quan sát, có dán biển báo để thuận tiện cho việc sử dụng khi có trường hợp xảy ra cháy nổ.

– Nguồn nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy của cơ sở được lấy từ bể chứa nước dự trữ dung tích 600m³, lượng nước dự trữ đảm bảo cho quá trình phòng cháy

chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

❖ **Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:**

– Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại cơ sở và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, cát, nước để dập lửa.

– Áp dụng các hướng dẫn xử lý sự cố cháy nổ hóa chất, sự cố tai nạn lao động theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

– Dọn dẹp: sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động công nhân dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

– Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan chức năng để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó, Công ty sẽ cùng với cơ quan chức năng cùng tiến hành công tác điều tra nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi lên các bên có liên quan. Ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

– Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã áp dụng tại cơ sở mang lại hiệu quả cao, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

– Quy định về khu vực nguyên liệu, khu vực thành phẩm, kho chứa chất thải thông thường. Hệ thống kho chứa nguyên liệu, khu vực thành phẩm đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về kỹ thuật, an toàn (hệ thống thông gió, hệ thống cứu hỏa,..)

– Kho luôn được giữ khô ráo và tránh sự gia tăng nhiệt độ, tuyệt đối cấm mọi nguồn lửa đối với kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm và kho chứa rác thải thông thường.

– Có hệ thống thông gió để làm loãng không khí bên trong nhà xưởng.

6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, nhiên liệu

Cơ sở bố trí kho chứa nhiên liệu tại khu vực xưởng diện tích 5m² bao gồm: chứa dầu DO.

Tại kho chứa nhiên liệu bố trí bảng nội quy về an toàn hóa chất đặt tại cửa ra vào.

Hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo nguy cơ được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư 32/2017/TT –BCT quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và nghị định 113/2017/NĐ –CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật hóa chất.

Biện pháp giảm thiểu:

Trang bị kiến thức về tính nguy hiểm và cách sử dụng an toàn khi làm việc với hóa chất.

Ban hành quy định vận hành an toàn từ khâu bốc dỡ, sắp xếp hóa chất từ xe vào kho chứa, khâu vận chuyển, thao tác trong quá trình sản xuất.

Tuyển chọn công nhân lành nghề vận hành xe nâng bốc dỡ và nạp liệu nhằm hạn chế tối đa việc đổ rơi nhiên liệu.

Cung cấp biểu an toàn hóa chất để công nhân sử dụng nắm được các thông tin cơ bản về hóa chất sử dụng: thông tin, thành phần, biện pháp sơ cứu, biện pháp xử lý khi tiếp xúc, biện pháp lưu trữ an toàn, biện pháp phòng ngừa phơi nhiễm, yêu cầu vận chuyển, thông tin về độc học,...

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm quần áo bảo hộ lao động, bao tay bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang than hoạt tính,.. cho công nhân khi thao tác trong khu vực cân, đong và quá trình vận chuyển, bốc dỡ.

Thông tin hóa chất được thông báo đầy đủ và có sẵn nơi dễ nhìn thấy.

Lắp đặt dấu hiệu cảnh báo đối với hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực cơ sở để thực hiện khi cần thiết.

Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cứu trong khu vực cơ sở.

Niêm yết địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết

Đối với khu vực kho chứa nguyên liệu khi áp dụng các biện pháp sau:

- Các thùng chứa không rò rỉ và được sắp xếp hợp lý, không cản trở gây vấp ngã.
- Mỗi loại hóa chất có quy định, đánh dấu, dán nhãn đầy đủ.
- Không để các hóa chất có tính tương kỵ gần nhau, không để các hóa chất dễ gây cháy nổ gần các hóa chất duy trì sự cháy.
- Người không có trách nhiệm không được vào kho chứa
- Cấm ăn uống, tụ tập, ngủ nghỉ trong kho chứa.
- Chỉ nên lưu giữ số lượng hóa chất cần thiết cho hoạt động.
- Biện pháp ứng phó sự cố khi xảy ra sự cố
- Nhanh chóng sơ tán công nhân ra khỏi nơi rò rỉ, tràn đổ hóa chất để tiến hành thu gom, xử lý.
- Công nhân thu gom được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc hóa chất trong quá trình ứng cứu.
- Sơ cấp cứu cho công nhân nhiễm độc và nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất.

Tràn đổ, rò rỉ ở mức thấp

- Dùng vật liệu thấm hút: vải, mút xốp, cát,...
- Thông gió diện tích tràn đổ hóa chất và khoanh vùng xảy ra sự cố
- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành thu gom, xử lý.
- Thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa kín.

– Hóa chất tràn đổ và vật liệu dùng để thu gom hóa chất phải được chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại để xử lý.

Tràn đổ, rò rỉ ở diện tích lớn

– Khi phát hiện sự cố tràn đổ, người phát hiện nhanh chóng dựng thùng hóa chất bị đổ(nếu có), dùng vải, mút xốp, cát,... ngăn chặn đầu nguồn tràn, vây xung quanh hóa chất bị tràn đổ, không cho hóa chất lan rộng, chảy xuống hệ thống thoát nước mưa. Đồng thời báo cáo tình hình cho cấp trên để có phương án xử lý phù hợp.

– Quản lý báo động sơ tán những người không liên quan ra khỏi khu vực sự cố, lập tức đưa nạn nhân xuống sơ cứu và di chuyển đến cơ sở y tế gần nhất.

– CBCNV khi tham gia xử lý sự cố bắt buộc có đồ bảo hộ lao động. Các thiết bị sử dụng để khắc phục sự cố bao gồm: bơm, thùng chứa,...

– Ngăn không cho hóa chất tác động lên nhau có thể gây cháy nổ

– Dùng dây bao quanh khu vực sự cố treo biển “ Cấm đến gần”

– Điều tra nguyên nhân và đưa ra phương án ngăn chặn, rút kinh nghiệm.

6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động cho người lao động, cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

– Tuân thủ nghiêm ngặt quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị, hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp.

– Quan tâm ngay từ khâu thiết kế nhà xưởng, lựa chọn thiết bị. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định. Không đưa thiết bị vào vận hành khi chưa được kiểm định hoặc quá thời hạn kiểm định.

– Tiến hành tuyên truyền, huấn luyện cho công nhân nhằm phổ biến chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn vệ sinh lao động. Tiến hành đo đạc các yếu tố độc hại trong môi trường lao động, theo dõi sức khỏe và có biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

– Xây dựng nội quy sản xuất, quy tắc an toàn lao động.

– Để tránh những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra, công nhân không được phép uống rượu, bia khi đang làm việc.

– Khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

– Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

– Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và

bảo dưỡng, bảo trì theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt nhất.

6.6 An toàn điện

Các biện pháp kỹ thuật:

- Bọc cách điện những chỗ hay va chạm, những chỗ bị hở;
- Hàng năm kiểm tra lớp cách điện bằng đồng hồ MW (>1KW/1V);
- Nối dây tiếp đất, vỏ thiết bị;
- Rào chắn, treo biển báo những chỗ nguy hiểm (có điện nguy hiểm, cấm đóng điện...);

Quy định an toàn điện

- Chỉ những người có chuyên môn về điện và đã qua huấn luyện an toàn điện mới được bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị điện;
- Không tự tiện ấn nút hoặc đóng ngắt cầu dao, aptomat ngoài chức trách của mình (nhất là đối với các máy bơm, máy nén, quạt gió...);
- Phải ngắt thiết bị ra khỏi nguồn điện và nối đất thiết bị trước khi bảo dưỡng, sửa chữa;
- Khi đóng/ cắt thiết bị điện cần có 2 người tham gia để tránh nhầm lẫn
- Khi bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị điện ít nhất phải có 2 người tham gia, thực hiện các bước cô lập điện, treo biển cảnh báo cấm đóng điện tại cầu dao nguồn trong suốt quá trình làm việc, đặt các thiết bị/ dụng cụ điện trên mặt bằng khô ráo, sử dụng “qui trình làm việc” và tuân theo “giấy phép làm việc điện”, sau khi kết thúc công việc phải nghiệm thu, trả giấy phép và thông báo để người vận hành đưa thiết bị vào hoạt động;
- Nếu cần chiếu sáng cục bộ khi sửa chữa, phải dùng đèn di động cầm tay 36V;
- Không tự tiện đi vào vùng nguy hiểm của thiết bị điện hoặc đường dây dẫn điện và không tự ý đấu nối thay đổi hệ thống điện;
- Tại vị trí có dòng điện cao thế phải treo biển cảnh báo nguy hiểm;
- Không bố trí thiết bị điện trên mặt bằng ẩm ướt có khả năng dẫn điện hoặc dễ trượt ngã, sập đổ;
- Ngắt khỏi nguồn điện các thiết bị, dụng cụ điện khi không sử dụng;
- Khi làm việc trên cao phải đeo dây an toàn;
- Khi ngắt một cầu chì, cầu dao, công tắc, mối nối điện, tại vị trí cô lập phải treo biển thông báo hoặc khóa cách ly;
- Ít nhất 2 lần/năm đo kiểm tra điện trở tiếp đất của thiết bị, nếu số đo >2ôm thì phải xử lý để đạt giá trị <2ôm;
- Phải mang quần áo khô, đi giày cách điện, đội mũ khi đi vào vùng nguy hiểm về điện;

- Tháo đồ kim loại trên người, mặc quần áo khô, đeo găng, mang ủng cách điện, dụng cụ cách điện phù hợp khi việc với thiết bị đang mang điện;
- Khi phát hiện thấy điều bất thường (mùi khét, khói, tia lửa điện...) phải lập tức báo để người vận hành ngừng ngay thiết bị.
- Sau khi một mạch điện bị ngắt bởi 1 thiết bị bảo vệ (áp tômát, cầu chì...), không được đóng mạch điện lại cho đến khi có quyết định của người chịu trách nhiệm về điện bảo đảm rằng thiết bị và mạch đã an toàn để đóng điện lại.
- Không được dùng các thang có khả năng dẫn điện khi làm việc trên hoặc gần các thiết bị điện. Cấm dùng thang bằng kim loại không có cách điện.

6.7. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu vực lưu trữ chất thải nguy hại

Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Nhà kho lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.
- Nhà kho lưu giữ chất thải được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ CTNH, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Khu vực được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.
- Đối với việc vận chuyển CTNH: cơ sở đã hợp đồng với Công ty có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát mọi sự cố trong quá trình vận chuyển CTNH.

7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác

Chủ cơ sở không có đầu tư xây dựng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác đã được liệt kê.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải của Cơ sở gồm 02 nguồn thải chính:
- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất
- Lưu lượng nước thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của Cơ sở tại là 1,413 m³/ngày đêm cụ thể như sau:
- + Nguồn số 01: Lưu lượng tối đa khoảng 1,35 m³/ngày đêm
- + Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 0,063 m³/ngày đêm

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý và nước thải sản xuất sẽ được thu gom sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng hút, xử lý khi đầy. Vì vậy, Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: khí thải từ lò hơi
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 1.800 m³/giờ (xả 8h/ngày).
- Dòng khí thải: Cơ sở đề nghị cấp phép 01 dòng khí thải sau ống khói của hệ thống khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn hơi/giờ.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: - Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Bụi tổng, Cacbonoxit (CO), lưu huỳnh đioxit (SO₂), nitơ oxit (tính theo NO₂).
- Khí thải sau khi xử lý đạt quy định của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kp=1, Kv=1 .
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Cacbonoxit, CO	mg/Nm ³	1.000
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500
4	Nitơ oxit (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850

- Vị trí, phương thức xả khí thải:
 - + Vị trí xả khí thải:
Tọa độ vị trí xả thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi 1: X: 1.308.158,78; Y: 575.908,78; (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106 độ 15 phút, múi chiều 3°).
 - + Phương thức xả thải: cưỡng bức. Khí thải lò hơi khi xử lý xả ra môi trường qua ống khói cao 30m và xả thải theo các thời điểm trong ngày (thời gian xả thải khoảng

08 tiếng/ngày, theo giờ hành chính)

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực chế điều
- Nguồn số 02: Khu vực máy sàng
- Nguồn số 03: Máy bắn màu

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.308.107,75; Y = 575.849,986;
 - Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.308.126,66; Y = 575.862,945
 - Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.308.145,29; Y = 575.879,733
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiếu 3⁰)

3.3. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh theo đúng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

3.3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21- 6 giờ		
1	70	60	--	Khu vực thông thường

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động sản xuất, Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí máy móc gây ồn trong một khu vực chung và cách ly với các khu vực khác, giảm rung cho tất cả các thiết bị;
- Các loại máy móc, thiết bị sinh ồn đều được đặt trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm tiếng ồn và độ rung;
- Đặt máy móc nơi có nền bằng phẳng;
- Bộ phận bảo trì sửa chữa lên lịch kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trong quá trình vận hành và tiến hành bảo dưỡng, hiệu chỉnh máy móc thiết bị định kỳ.
- Tại các khu vực có phát sinh tiếng ồn nhiều công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn như nút bịt tai, mũ, quần áo BHLĐ, đặc biệt tại những vị trí có

mức ồn cao.

- Bố trí chế độ làm việc nghỉ ngơi hợp lý cho các công nhân trực tiếp làm việc tại các khu vực có tiếng ồn và rung động, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.
- Trồng cây xanh xung trong phạm vi cơ sở, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo tỷ lệ yêu cầu.

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.
- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Khối lượng phát sinh: Ước tính khoảng 190 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Xin cấp GPMT (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	16 01 06	Rắn	2
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	100
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy, can chứa dầu nhớt)	18 01 02	Rắn	12
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50
7	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	Rắn	2
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	04
9	Cặn từ HTXLKT lò hơi	12 01 01	Rắn	20
Tổng cộng				190

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa HDPE 240 lít, có dán mã số phân loại, có

nắp đậy

- Khu vực lưu chứa: Diện tích kho 33,08 m² bằng container 20 feet.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho CTNH có nền chống thấm, mái che, bố trí đầy đủ các phương tiện PCCC.

4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng phát sinh: Ước tính khoảng 7.951.700 kg/năm

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
1	Vỏ hạt điều	7.800.000	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
2	Vỏ lụa hạt điều	150.000	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
3	Bao bì thải	600	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
4	Bìa carton, Pallet thải	200	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
5	Túi hút ẩm, bao bì nilong thải	600	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
6	Bụi tro từ lò hơi	300	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý
Tổng cộng		7.951.700	

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa.
- Diện tích kho chứa: 50 m².
- Kết cấu kho chứa: Móng đà kiên bằng bê tông cốt thép, tường vách tole có mái che, nền gia cố bằng bê tông để chống thấm

4.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng phát sinh: ước tính khoảng 18 kg/ngày tương đương 5.616 kg/năm
- Thiết bị lưu chứa: Thùng đựng rác nhựa HDPE có nắp đậy, dung tích 10, 20, 30 và 240 lít.

– Rác thải sinh hoạt đã hợp đồng đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Cơ sở đã ký hợp đồng với Thị xã Phước Long để thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt định kỳ 02 ngày/lần.

5. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Cơ sở sẽ ban hành kế hoạch và phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.
- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi

trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

- Công ty đã chấp hành đúng các công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở theo đúng Cam kết môi trường như sau:

+ Quản lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của Cơ sở được thug om và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý khi đầy. Công ty cũng thực hiện giám sát nước thải sinh hoạt định kỳ 06 tháng/lần.

+ Quản lý nước thải sản xuất: Toàn bộ nước thải sản xuất của cơ sở được thu gom về bể tông chống thấm, có thể tích $1,5\text{m}^3$ (kích thước D x R x H = 1,5m x 1m x 1m) và một bể chứa inox thể tích 6m^3 . Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý khi đầy.

+ Quản lý khí thải: Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho khí thải phát sinh từ lò hơi, đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ. Công ty cũng thực hiện giám sát khí thải lò hơi định kỳ 06 tháng/lần.

+ Quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt và bàn giao cho đơn vị thu gom rác thị xã Phước Long xử lý theo đúng quy định.

+ Quản lý chất thải rắn sản xuất thông thường: Công ty đã thu gom và phân loại chất thải rắn công nghiệp. Công ty đã bố trí kho lưu chứa có diện tích 20m^2 , kết cấu kho khép kín, tường bao quanh, nền bê tông, mái lợp tôn chống nóng. Trang bị đầy đủ thiết bị PCCC. Đối với vỏ hạt điều phát sinh được chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định.

+ Quản lý chất thải nguy hại: Công ty đã bố trí kho lưu trữ chất thải nguy hại có kích thước D x R x C = 5,89 x 2,35 x 2,39 (m) theo đúng quy định. Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất sẽ được thu gom, phân loại và lưu trữ tại kho. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại tại cơ sở, tần suất thu gom là 1 lần/năm.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 và nộp báo cáo cho các cơ quan nhà nước theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết của Luật BVMT.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty không xảy ra bất kỳ sự cố môi trường nào.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

❖ Tổng lượng nước thải phát sinh:

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh năm 2024 là $1,35\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

tương đương 421,2 m³/năm. Tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh năm 2024 là 0,063 m³/ngày.đêm 19,656 m³/năm.

Toàn bộ nước thải của dự án phát sinh ít nên Công ty không xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Đối với nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, khi đầy sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Còn nước thải sản xuất sẽ được thu gom vào bể chứa bê tông có thể tích 1,5m³ (kích thước D x R x H = 1,5m x 1m x 1m) và một bể chứa inox thể tích 6m³, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý khi bể đầy.

❖ **Kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024**

- Thời gian quan trắc:
- + Đợt 1: 24/6/2024: hồ ga không có nước thải
- + Đợt 2: 03/12/2024: hồ ga không có nước thải
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần
- Vị trí các điểm quan trắc: nước thải tại hồ ga sau bể tự hoại
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
- Đơn vị phân tích:

+ Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt Vimcert 286. Địa chỉ: số 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. Địa chỉ: 528/5A, Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

- ❖ **Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Không có
- ❖ **Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải (nếu có):** Không có
- ❖ **Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải:** Không có.
- ❖ **Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải:** Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đều được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý khi đầy, không xả nước thải ra môi trường. Đây được xem là biện pháp xử lý hiệu quả và tối ưu nhất trong công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

❖ **Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải**

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã duy trì việc quan trắc lấy mẫu để đánh giá môi trường không khí nơi thực hiện cơ sở.

➤ **Kết quả quan trắc không khí lao động:**

- Thời gian quan trắc:
- + Đợt 1: 24/6/2024
- + Đợt 2: 03/12/2024
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần
- Vị trí các điểm quan trắc: 01 không khí tại xưởng chế điều ; 01 không khí tại xưởng phân loại.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 22:2016/BYT
- Đơn vị phân tích:
- + Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt Vimcert 286. Địa chỉ: số 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- + Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. Địa chỉ: 528/5A, Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Bảng 5.1: Kết quả phân tích môi trường không khí năm 2024

STT	Vị trí đo	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
1	Khu vực chế điều					
1.1	Đợt 1	90,8	0,25	0,059	0,063	5,44
1.2	Đợt 2	78,5	0,39	0,28	0,37	5,69
2	Khu vực phân loại					
2.1	Đợt 1	67,8	0,21	0,06	0,068	5,84
2.2	Đợt 2	60,3	0,22	0,13	0,26	5,18
QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	-	-	-	-
QCVN 02: 2019/BYT		-	≤ 8	-	-	-
QCVN 03: 2019/BYT		-	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích		TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.02

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT tại Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2024)

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 02: 2019/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn

tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

– QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Nhận xét:

– Giá trị các chỉ tiêu nhiệt độ, độ ẩm và tốc độ gió đều nằm trong quy chuẩn cho phép của QCVN 26:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu- giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

– Giá trị tiếng ồn đo được của Công ty tại khu vực phân loại đạt quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- mức tiếp xúc tiếng ồn tại nơi làm việc. Còn giá trị tiếng ồn đo được của Công ty tại khu vực chế điều vượt quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- mức tiếp xúc tiếng ồn tại nơi làm việc 1,07 lần. Vì vậy, Công ty sẽ phân bố lại thời gian làm việc của máy móc tại khu vực chế điều để tránh bị tình trạng cộng hưởng tiếng ồn, ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần làm việc của công nhân viên.

– Giá trị nồng độ bụi tại xưởng sản xuất của Công ty tại vị trí đo đạt đạt quy chuẩn QCVN 02:2019/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

❖ Kết quả quan trắc khí thải:

- Thời gian quan trắc:
 - + Đợt 1: 2/6/2024
 - + Đợt 2: 03/12/2024
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần
- Vị trí các điểm quan trắc: 01 điểm sau HTXLKT
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B;
- Đơn vị phân tích:
 - + Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt Vimcert 286. Địa chỉ: số 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
 - + Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh. Địa chỉ: 528/5A, Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Bảng 5.2: Kết quả phân tích khí thải năm 2024

Vị trí đo	Bụi* (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)
Đợt 1	59	123	86	696
Đợt 2	Do hết nguyên liệu, nên công ty không sản xuất nên			

QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	không thể lấy mẫu khí thải			
	≤ 240	≤ 1.020	≤ 600	≤ 1.200

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT tại Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2024)

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- ❖ Các sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải (nếu có): Không có
- ❖ Các sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải (nếu có): Không có.
- ❖ Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải: Không có
- ❖ Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý bụi, khí thải:

Theo kết quả phân tích các thông số ô nhiễm khí thải sau hệ thống khí thải có nồng độ các chỉ tiêu phân tích NO_x, SO₂ đạt trong Quy chuẩn cho phép về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Như vậy, hệ thống xử lý khí thải lò hơi xử lý đạt hiệu quả và phù hợp với công nghệ sản xuất của Cơ sở.

Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục áp dụng một số các biện pháp nhằm tăng hiệu quả xử lý khí thải từ lò hơi đốt củi. Cụ thể:

- Cải tiến kết cấu của ghi lò để tăng nhiệt độ trong buồng và cung cấp một cơ chế đốt cháy để đốt cháy hoàn toàn nhiên liệu.
- Không sử dụng vỏ hạt điều để làm nguyên liệu đốt lò.
- Bổ sung quạt gió để cung cấp oxy cần thiết cho quá trình đốt cháy nhiên liệu trong buồng đốt.
- Đảm bảo độ ẩm và kiểm soát kích thước của nguyên liệu đốt (củi gỗ, viên nén).
- Điều chỉnh quá trình nạp nhiên liệu vừa đủ.
- Tăng cường kiểm soát từ bốn khía cạnh trên có thể đảm bảo rằng nhiên liệu sinh khối được đốt cháy hoàn toàn trong lò hơi. Chỉ khi nhiên liệu được đốt cháy hoàn toàn và đầy đủ mới có thể nâng cao hiệu suất nhiệt của lò hơi và tiết kiệm năng lượng của lò hơi sinh khối có thể được tối đa hóa.
- Thường xuyên vệ sinh buồng đốt, lấy tro xỉ để tạo không gian đốt cháy có tiết diện lớn.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.

- ❖ Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh do hoạt động của nhân viên công nhân làm việc tại nhà máy. Thành phần: Thành phần chính là chất hữu cơ dễ phân hủy, phần còn lại là giấy vụn, nylon, nhựa cao su, thành phần vô cơ và hữu cơ khó phân hủy. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở năm 2023 và 2024 như sau:

Bảng 5.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của Cơ sở

TT	CTRSH	Khối lượng Năm 2024 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Rác sinh hoạt (vỏ hộp, thực phẩm thừa,..)	5.616	Đơn vị thu gom rác thị xã Phước Long	4.500
2	Giấy vụn, thùng carton hư hỏng	600	Đơn vị thu gom tái chế	500
	Tổng cộng	6.216		5.000

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT tại Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2024)

❖ **Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Nguồn phát sinh: Chất thải công nghiệp thông thường từ hoạt động chế biến hạt phát sinh từ hoạt chế biến hạt điều tại xưởng.

- Thành phần: Thành phần chính có chứa dầu điều dùng để ép dầu, bã vỏ điều sau khi ép dùng làm chất đốt cho các hoạt động sản xuất gạch, ngói ...là chất dễ cháy.

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường của Cơ sở

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng Năm 2024 (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Vỏ hạt điều (Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác)	7.800.000	Công ty TNHH SX TM Dầu điều Thành Đạt	8.000.000
2	Vỏ lụa hạt điều (Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản	150.000	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý	140.000

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

	xuất khác)			
3	Bao bì thải, Pallet thải	600	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý	450
4	Bìa carton, giấy	200	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý	165
5	Túi hút âm, bao bì nilong thải	600	Chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý	549

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT tại Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2024)

❖ Đối với chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất chế biến hạt điều của dự án. Thành phần: hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu, pin ắc quy thải, dầu nhớt thải, ...

Biện pháp thu gom, xử lý: Toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của Cơ sở sẽ được thu gom và phân loại riêng, sau đó tập kết về kho lưu chứa CTNH. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

Khối lượng chất thải nguy hại của Cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2024 (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2023 (kg)
	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	08 02 04	2	TĐ, HR	Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý 1-2-3-4-5-6.053.VX	2
	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 05	0	TĐ, HR		-
	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	16 01 06	2	Nghiên PT, HR		2
	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	15	TC Dầu nhớt		10
	Bao bì mềm thải dính	18 01 01	20	TĐ, HR		15

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở chế biến hạt điều công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm”

hóa chất					
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	27	TĐ, HR		20
Bao bì kim loại cứng thải (thùng đựng hóa chất)	18 01 02	12	Súc rửa, TC		15
Tổng số lượng		78			64

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT tại Công ty TNHH MTV SX TM DV Thành Sự, 2024)

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, cơ sở không có hoạt động kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của Cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của chủ cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở cần đưa vào vận hành thử nghiệm và thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến như sau: Hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi với lưu lượng 1.800 m³/giờ.

Thời gian dự kiến lấy mẫu nước của hệ thống xử lý khí thải lò hơi: khoảng 03 tháng kể từ ngày có giấy phép môi trường.

Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 2,5 tấn/giờ	Tháng 04/2025	Tháng 06/2025

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

STT	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Số lượng	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	01 mẫu trong 03 ngày liên tiếp khi vận hành ổn định	Ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 1.800 m ³ /giờ.	01 mẫu/ngày	Bụi tổng, Cacbonoxit (CO), lưu huỳnh đioxit (SO ₂), nitơ oxit (tính theo NO ₂)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B. Kp=1, Kv=1

– Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp: Công ty TNHH Môi trường và An toàn Lao động Sao Việt Vimcert 286.

– Địa chỉ: số 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương

– Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERT 286.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Giám sát môi trường khí thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống khói xử lý khí thải lò hơi.
- Chỉ tiêu giám sát: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Quy định áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, K_p = 1,0; K_v = 1,0.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ theo khoản 4 điều 97 và khoản 5 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng không cần quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

2.3. Giám sát chất thải rắn và CTNH

2.3.1. Chương trình giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.3.2. Chương trình giám sát chất thải rắn thông thường

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn thông thường.
- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.3.3. Chương trình giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Chỉ tiêu giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của cơ sở như bảng sau:

Bảng 6.3: Chi phí đo đạc, phân tích chất lượng không khí cho 1 lần thực hiện

STT	Hạng mục quan trắc	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí khác (Nhân công, vận chuyển, viết báo cáo, in, ấn,...)	30.000.000
Tổng cộng		30.000.000

CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết về xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Đảm bảo việc xử lý chất thải của cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm:

Nước thải sinh hoạt của cơ sở được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý định kỳ khi đầy.

Toàn bộ nước thải sản xuất được thu gom và bể chứa, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý khi đầy.

Thực hiện đầy đủ các biện pháp không chế, giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đối với môi trường không khí trong và xung quanh cơ sở.

Tiếng ồn và độ rung được xử lý, không chế nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

Thực hiện phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết về một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết của Luật BVMT và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện phân loại, thu gom và quản lý chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết về một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết của Luật BVMT và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Tiếp tục thực hiện và duy trì chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hỏa hoạn, sự cố chập điện, vệ sinh, an toàn lao động và các biện pháp phòng chống sự cố ô nhiễm.

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;
 - Mặt bằng bố trí cơ sở
 - Bản sao phê duyệt Cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở.
 - Quyết định phê duyệt phương án PCCC
 - Hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
 - Hợp đồng thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường.
 - Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801066488

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 12 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 09 tháng 09 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH SỰ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH SU PRODUCTION TRADING SERVICE ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH SU PRO CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường ĐT.759, khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0919 068719

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

20.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: ĐẶNG HỮU SỰ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/08/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 045067000693

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Đường ĐT.759, khu 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đường ĐT.759, khu 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐẶNG HỮU SỰ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/08/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 045067000693

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý
Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Đường ĐT.759, khu 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long,
Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đường ĐT.759, khu 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long,
Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trình Ngọc Linh



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04 /TB-UBND

Phước Long, ngày 15 tháng 01 năm 2014

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường
Dự án: Xưởng chế biến hạt điều – Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự

Kính gửi: Ông: **Đặng Hữu Sự**, Khu phố 9, phường Long Phước
thị xã Phước Long

Căn cứ Tờ trình số: 09 /TTr-TN&MT ngày 14 tháng 01 năm 2014 của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đăng ký cam kết bảo vệ môi trường.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án: Xưởng chế biến hạt điều – Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự, tại khu 9, phường Long Phước. UBND thị xã Phước Long thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Xưởng chế biến hạt điều – Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự đã đăng ký tại UBND thị xã Phước Long.
2. Ông Đặng Hữu Sự có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.
3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án: Xưởng chế biến hạt điều – Công ty TNHH MTV SXTM DV Thành Sự.
4. Ông Đặng Hữu Sự phải báo cáo với UBND thị xã Phước Long khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND thị xã Phước Long./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Phòng.TN&MT.
- UBND phường Long Phước
- Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Đặng Hữu Sự

Năm sinh: 1967, CMND số: 285286563

Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, Bình Phước.

Bà: Hà Thị Thủy

Năm sinh: 1973, CMND số: 285337581

Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, Bình Phước.

BX 189011

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- Địa chỉ sử dụng đất: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, Bình Phước

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
15	279	1557,0	Sử dụng riêng	Đất trồng cây hàng năm	Thời hạn sử dụng đất đến tháng 12/2018	Nhận chuyển nhượng đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất
15	606	7880,6	Sử dụng riêng	Đất trồng cây lâu năm	Thời hạn sử dụng đất đến tháng 12/2048	Nhận chuyển nhượng đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 03. tháng 02 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

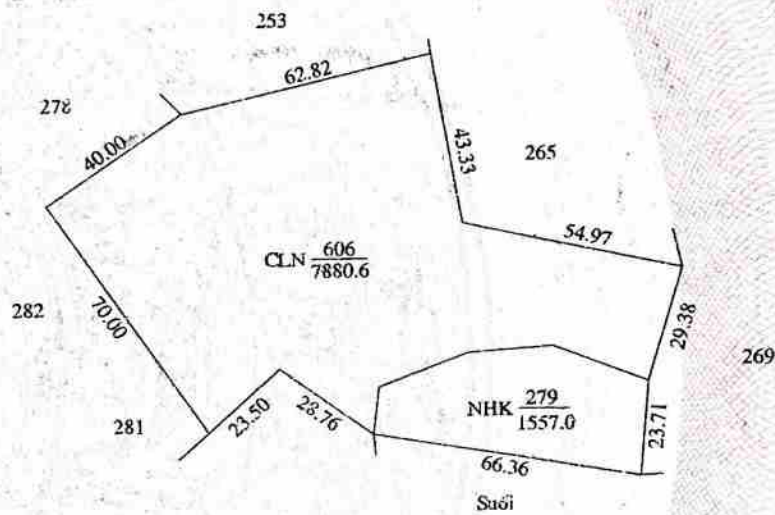


Nguyễn Phú Quốc

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

B

Tỷ Lệ 1: 2000



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

25/3/2021

- Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 01/12/2068 tại thửa đất 279
- Đăng ký biến động mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm.

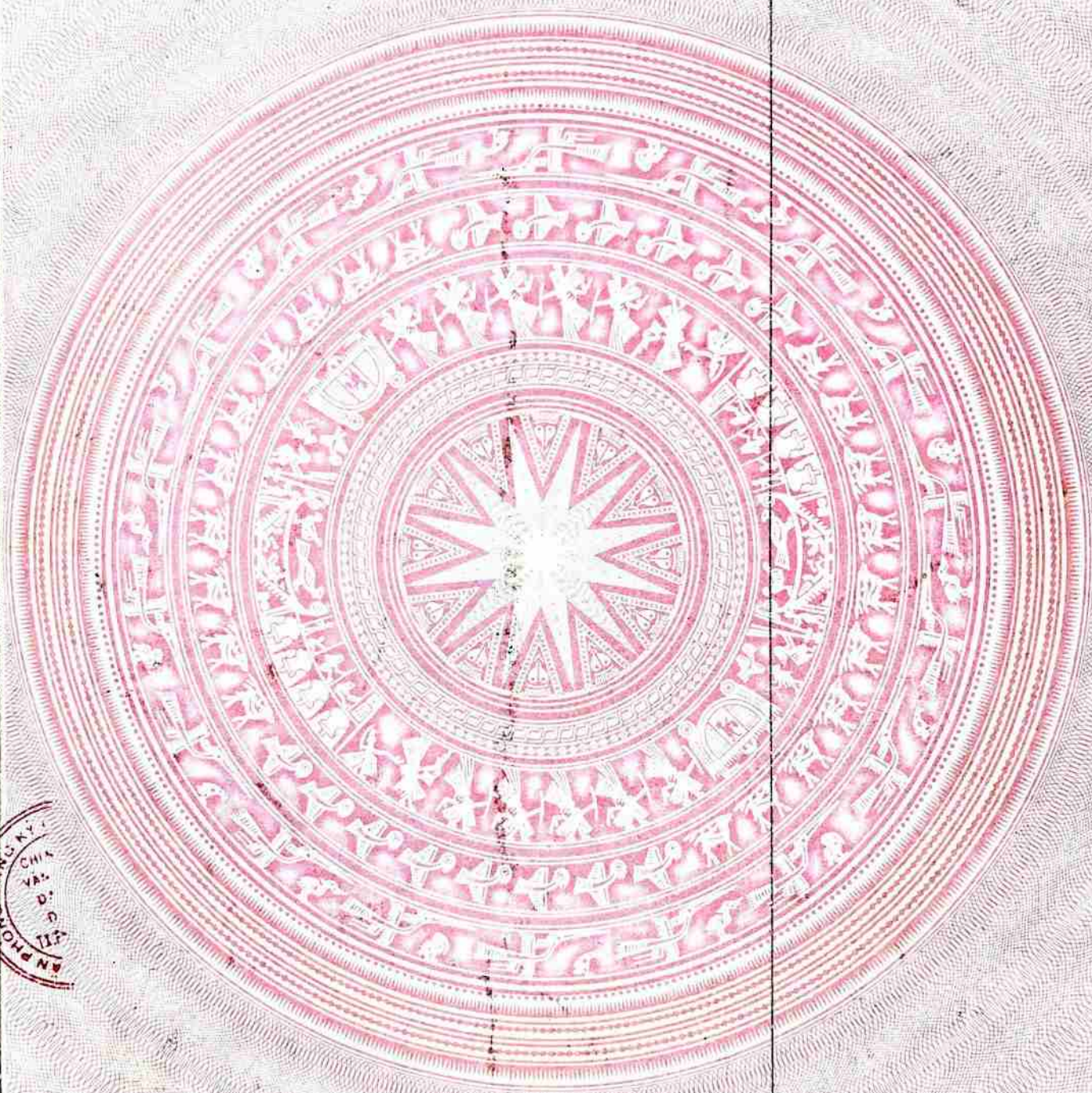


GIÁM ĐỐC

Vũ Minh Sơn

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



05/04/2021

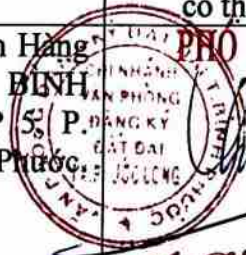


Kèm theo GCN này có trang bổ sung số 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 279, 606 **Tờ bản đồ số:** 15
Số phát hành GCN: BX 189011 **Số vào sổ cấp GCN:** CS 04062/CN

Ngày,tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
05/04/2021	- Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP S/P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 2689 ngày 05/04/2021.	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Vũ Chi Chiêu</i>
11/01/2023	- Xóa nội dung đăng ký thẻ chấp ngày 05/04/2021. Theo hồ sơ số 138.	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Ngô Lôi Châu</i>
17/03/2023	- Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM – CN BÌNH PHƯỚC. Đ/c Một phần ngôi nhà tại thửa đất số 78A, đường Phú Riêng Đỏ, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1127 ngày 17/03/2023.	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Ngô Lôi Châu</i>

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý



**CÔNG TY TNHH
TM SX DẦU ĐIỀU THÀNH ĐẠT**
.....e9e9.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
.....e9e9.....

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA
SỐ : 1.0... / HĐMB/TĐ -TS

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu về hàng hóa của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại **CÔNG TY TNHH TM SX DẦU ĐIỀU THÀNH ĐẠT** chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (Gọi là bên A)

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH SỰ**

Địa chỉ: Đường ĐT.759, khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Bình Phước

Điện thoại: 0919 068719

Fax:

Tài khoản: 050037667878 tại ngân hàng Sacombank, PGD Phước Long, tỉnh Bình Phước

Mã số thuế: 3801066488 Đại diện: **ĐẶNG HỮU SỰ** Chức vụ : Giám Đốc

BÊN MUA (Gọi là bên B)

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH TM SX DẦU ĐIỀU THÀNH ĐẠT**

Địa chỉ: Tổ 6, Thôn Bình Lợi, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 0974191080

Fax:

Tài khoản: 050128757322 tại ngân hàng Sacombank, PGD Phước Long, tỉnh Bình Phước

Tài khoản: 6566678888 tại ngân hàng TMCP Á Châu ACB, PGD Phước Long, tỉnh Bình Phước

Mã số thuế: 3801254523 Đại diện: **NGUYỄN THANH PHONG** Chức vụ : Giám Đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên nhất trí ký hợp đồng mua bán với các điều khoản sau:

Điều I: Tên hàng, số lượng, đơn giá:

- Tên hàng : Vỏ điều

Trong hợp đồng này các từ “Hàng”, “Hàng hoá” được hiểu là Vỏ Điều mua bán giữa hai bên.

- Số lượng: Thỏa thuận theo từng thời điểm, từng đơn hàng

- Giá cả: Đơn giá mặt hàng là theo giá thị trường tại thời điểm phát-sinh;

Đơn giá thành tiền thể hiện trên từng hóa đơn phát sinh;

Mặt hàng không thuế suất thuế GTGT.

Điều II : Chất lượng và quy cách :



- Không bị ẩm ướt, hoặc biến chất: Mốc, đen, thành than, bón cục, nhão,.....
- Không chứa rác, đất, than,... và các loại tạp chất khác không phải từ vỏ điều
- Độ ẩm: Từ 15° đến 19°. (Theo dụng cụ đo độ ẩm TK 1000W)

Điều III : Phương thức giao nhận

- Bên A giao hàng cho bên B tại kho của bên A (Hoặc có sự thỏa thuận khác).
- Bên A xúc hoặc thổi vỏ lên xe cho bên B. Bên B chỉ nhận hàng khi được bên A đưa lên xe của bên B.
- Phương tiện vận chuyển bên B tự lo.
- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho bên B khi bên B đến nhận hàng.

Điều IV : Phương thức thanh toán

Bên B thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản ngân hàng.

Điều V: Trách nhiệm trong việc thực hiện hợp đồng:

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng.

Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết.

Điều VI : Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 02/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Khi hai bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản và điều kiện được ghi trong hợp đồng (Bên A giao hết hàng cho bên B, bên B thanh toán đủ tiền hàng cho bên A) thì hợp đồng này xem như được thanh lý.



NGUYỄN THANH PHONG



CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 64 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ngày 10 tháng 5 năm 2024 của: Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ Thành Sự.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Đặng Hữu Sự; Chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN**

Tên công trình: nhà xưởng sản xuất và chế biến hạt điều

Địa điểm xây dựng: đường ĐT.759, khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ Thành Sự.

Cơ quan thiết kế: Công ty TNHH đầu tư phát triển Hoàng Minh Long và chi nhánh Bình Phước - Công ty TNHH phát triển công nghệ Thành Công.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; đường, lối thoát nạn; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, họng tiếp nước chữa cháy; hệ thống chữa cháy tự động; trạm bơm nước chữa cháy; phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; phương tiện chữa cháy ban đầu; hệ thống điện cho PCCC; dụng cụ phá dỡ thô sơ; giải pháp chống sét.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: PCCC&CNCH.

Bình Phước, ngày 11 tháng 5 năm 2024



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Thọ Bài



QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 64/TD-PCCC, ngày 21/5/2024 của Phòng CS. PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước).

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
1	Công trình xây dựng trên khu đất có diện tích 13.817,6m ² . Bao gồm các hạng mục:	
2	Nhà xưởng: diện tích xây dựng 2.232m ² , chiều cao 11m (tính từ cos nền tới đỉnh nóc gió), 01 tầng, khối tích khoảng 22.300m ³ . Kết cấu chính: móng, đà, kiềng BTCT, cột khung kèo thép hình, nền BTCT, mái lợp tole. Tường xây gạch dày 200mm cao tới mái tại khu vực có khoảng cách tới ranh giới khu đất 1m, tường xây gạch dày 200mm cao 3m bên trên lợp tole tại các khu vực còn lại. Công năng chính: sử dụng làm nhà xưởng sản xuất và chế biến hạt điều. Bậc chịu lửa IV, hạng sản xuất C.	
3	Các hạng mục khác: nhà bơm, bể nước PCCC, nhà bảo vệ...	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ	
1	Thuyết minh kiến trúc, kết cấu.	
2	Thuyết minh PCCC.	
3	Bản vẽ mặt bằng tổng thể: KTKC-01 đến KTKC-03.	
4	Bản vẽ kiến trúc và kết cấu: KTKC-04 đến KTKC-18 (nhà xưởng), KTKC-19 đến KTKC-23 (nhà bơm, bể nước), KTKC-24 đến KTKC-29 (nhà bảo vệ).	
5	Bản vẽ giao thông phục vụ PCCC: BĐ-01 và BĐ-02.	
6	Bản vẽ thiết kế hệ thống cấp nước chữa chữa cháy vách tường, cấp nước chữa cháy ngoài nhà, họng tiếp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (Sprinkler): PCCC- CC-01 đến PCCC- CC-13.	
7	Bản vẽ hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: PCCC- BC-01 đến PCCC- BC-11.	
8	Bản vẽ dụng cụ phá dỡ thô sơ: PCCC-CC-10.	
9	Bản vẽ giải pháp chống sét: PCCC-CS-01 và PCCC-CS-02.	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các tiêu chuẩn về quy hoạch, xây dựng./.

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 000507/2024/CGQ

- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 16/03/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên;

Hôm nay, ngày 15 tháng 06 năm 2024, tại văn phòng Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- Địa chỉ NM : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
- Địa chỉ VP : 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TP.HCM
- Điện thoại : 0769 000 769 - Fax :
- Mã số thuế : 3800743345
- Tài khoản : 6282 8888 9999 Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Phú Nhuận, TP.HCM
- Đại diện : Bà **NGUYỄN THỊ LÀI** - Chức vụ : Phó Giám Đốc

(Giấy ủy quyền số 02.2024/CGQ-UQ ngày 02/01/2024)

Sau đây gọi tắt là Bên A

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THÀNH SỰ

- Địa chỉ : Đường ĐT759, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại : 0919 068 719 - Fax :
- Mã số thuế : 3801066488
- Đại diện : Ông **ĐẶNG HỮU SỰ** - Chức vụ : Giám Đốc

Sau đây gọi tắt là Bên B

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo những điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

- Bên A nhận xử lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là Chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên B.
- Địa điểm tiếp nhận: Đường ĐT759, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.
- Địa điểm xử lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

ĐIỀU II: ĐƠN GIÁ, DANH MỤC CHẤT THẢI VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN

2.1. Các hạng mục được xử lý bao gồm.

STT	Tên Chất Thải	Mã CTNH	Trạng Thái	Đơn Giá (vnd/năm)
1	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	Khoán 12.000.000 đồng/năm. (Mười hai triệu đồng/năm). Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT
2	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 05	Rắn	
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	16 01 06	Rắn	
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	
5	Bao bì mềm thải dính hóa chất	18 01 01	Rắn	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	
7	Bao bì kim loại cứng thải (thùng đựng hóa chất)	18 01 02	Rắn	

❖ Ghi chú:

- Tần suất thu gom theo yêu cầu khách hàng (1 lần/năm)
- Khối lượng thu gom 1 năm tối đa là 100kg. Nếu khối lượng thu gom lớn hơn 100kg/năm sẽ tính đơn giá vượt là 8.000 đồng/kg vượt.

2.3. Phương thức thanh toán:

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt sau trong 07 ngày làm việc ngay sau khi hợp đồng được hai bên ký kết.
- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn bên B phải thông báo cho bên A bằng văn bản. Nếu bên B không thông báo thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất giá trị gia tăng bên A được quyền điều chỉnh theo quy định.

ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1. Trách nhiệm bên A

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên A phải cung cấp cho Bên B bản sao giấy phép kinh doanh; giấy phép xử lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- Bên A thu gom chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
- Bên A bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên B.
- Phối hợp cùng bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Chất thải sau khi chờ ra khỏi cổng bên B thì bên A phải chịu mọi trách nhiệm về mặt pháp lý của pháp luật hiện hành.
- Bên A chịu trách nhiệm xác nhận và hoàn trả các liên chứng từ chất thải cho bên B, sau khi hoàn thành việc xử lý theo đúng quy định và mẫu chứng từ hiện hành của Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành.

3.2. Trách nhiệm bên B

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin.
- Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải, chất thải phải được để riêng biệt, không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng, không được rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên và mã số chất thải theo quy định pháp luật hiện hành. Thiết bị lưu trữ chất thải do bên B chịu trách nhiệm. Khi thu gom bên A không hoàn trả lại thiết bị lưu trữ.
- Khi có nhu cầu thu gom, xử lý. Bên B thông báo trước cho bên A ít nhất là 48 giờ qua mail hoặc điện thoại (trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).
- Bên B tạo điều kiện cho bên A trong quá trình thu gom chất thải, hỗ trợ phương tiện nâng hàng lên xe tải của bên A (nếu có).
- Không giao cho bên A các loại chất thải ngoài danh mục trong hợp đồng đã thỏa thuận.
- Phối hợp cùng bên A trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Trong thời gian hiệu lực hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác thu gom, xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu vi phạm bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A.
- Cam kết thanh toán đầy đủ cho bên A như trong khoản 2.3 của điều 2.

- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán phí cho bên A thì bên B phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt theo lãi suất cho vay của Ngân Hàng Nhà Nước tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU IV: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 15 tháng 06 năm 2025 và được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hai bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản của hợp đồng.
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày.
- Nếu một trong hai bên muốn điều chỉnh nội dung hợp đồng này thì cần có sự đồng ý của hai bên và sẽ được thể hiện vào phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Phán xét của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa hai bên (nếu có).



TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHUNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: THANH SU/01/2024/1-2-3-4-5-6.053.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Thành Sự
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Đường ĐT759, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước
ĐT: 0919 068 719
Địa chỉ cơ sở: Đường ĐT759, Khu phố 9, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước
ĐT: 0919 068 719

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	2	TĐ, HR
2	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	0	TĐ, HR
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải khác	x			16 01 06	2	Nghiền PT, HR
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	15	TC Dầu nhớt
5	Bao bì mềm thải dính hóa chất	x			18 01 01	20	TĐ, HR
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	27	TĐ, HR
7	Bao bì kim loại cứng thải (thùng đựng hóa chất)	x			18 01 02	12	Súc rửa, TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-145.55

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Tấn Phi
Ký:.....Ngày: 12/11/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Bình Phước, ngày 12 tháng 11 năm 2024



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

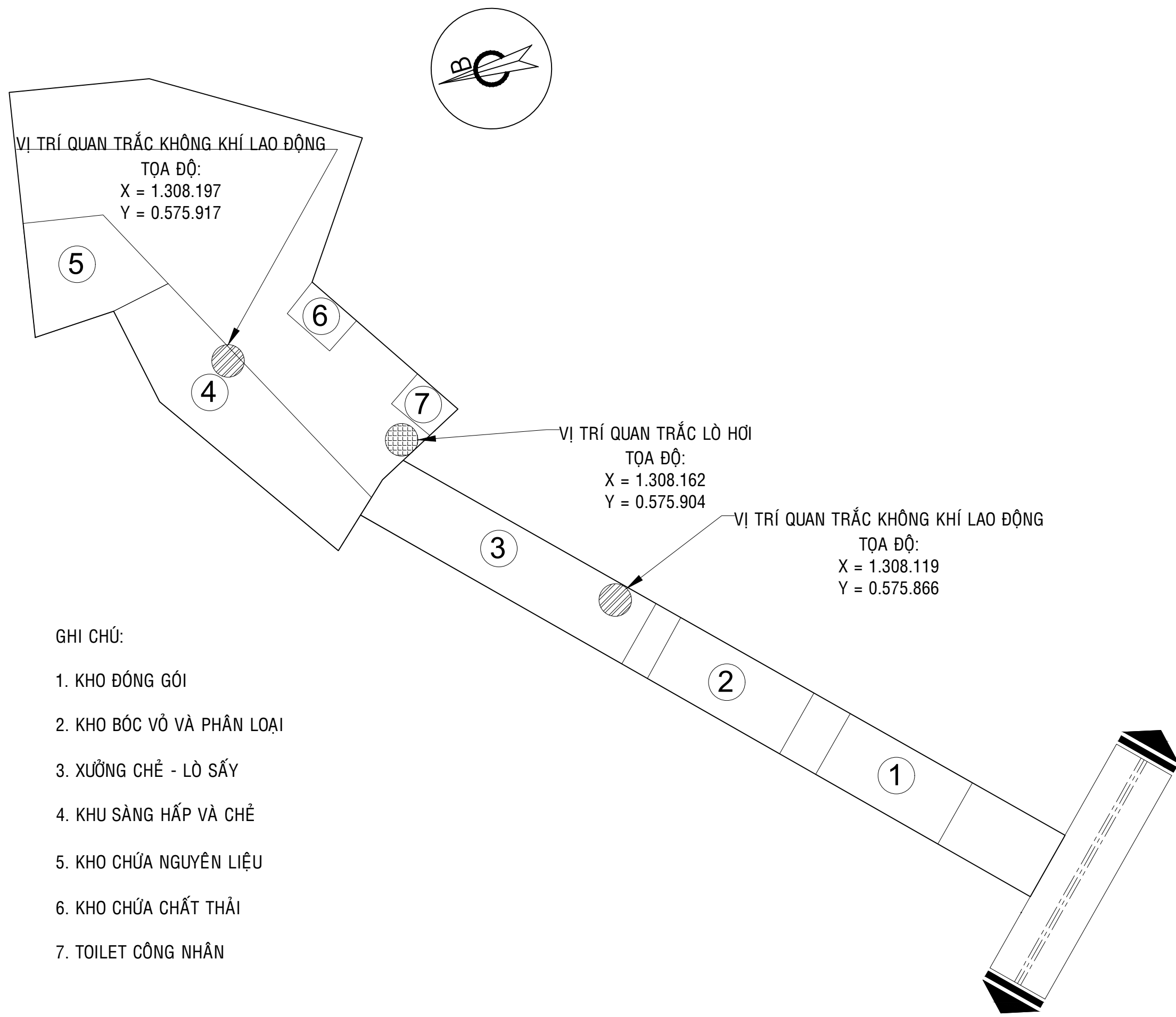
8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Phước, ngày 18 tháng 11 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GHI CHÚ:

- 1. KHO ĐÓNG GÓI
- 2. KHO BÓC VỎ VÀ PHÂN LOẠI
- 3. XƯỞNG CHẾ - Lò SẤY
- 4. KHU SÀNG HẤP VÀ CHẾ
- 5. KHO CHỨA NGUYÊN LIỆU
- 6. KHO CHỨA CHẤT THẢI
- 7. TOILET CÔNG NHÂN

CHỦ ĐẦU TƯ		OWNER
CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV THÀNH SỰ		
KP9, PHƯỜNG LONG PHƯỚC, TX PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC		
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ISSUED FOR		
THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/>	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG	<input type="checkbox"/>	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	AS - BUILT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HỒNG NGỌC SỐ 121, THÔN PHƯỚC HÒA - XÃ BÌNH TÂN, HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC TEL: 090 370 5930		
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR		
BE: NÔNG HỒNG THẨM		
VẼ THIẾT KẾ: DESIGNER		
BE: PHẠM THANH DUY		
KIỂM TRA: CHECKER		
BE: ĐỖ NGUYỄN HÝ THIÊN		
NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU KP9, PHƯỜNG LONG PHƯỚC, TX PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC		
HẠNG MỤC: ITEM		
HỒ SƠ MÔI TRƯỜNG		
TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE		
VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC		
TỶ LỆ SCALE		
SỐ BẢN VẼ DRAWING No		
NGÀY HOÀN THÀNH DATE		
SỐ LƯỢNG QUANTITY		